

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/BC-VTSG-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
Công ty Cổ phần Vận Tải Đường Sắt Sài Gòn

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

1. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (BKS) gồm:

Ông Vũ Đình Điệp – Trưởng ban (Chuyên trách);

Ông Trần Bắc Hà – Phó phòng AT-BVANQP (kiêm nhiệm);

Bà Bùi Thị Hải Yến – Kế toán Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam (kiêm nhiệm).

2. Kết quả hoạt động và giám sát của BKS.

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông BKS không nhận được thông tin khiếu nại nào từ cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2023, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp của BKS để triển khai các văn bản liên quan và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, quản trị và điều hành Công ty.

BKS đã phối hợp cùng Tổ kiểm soát giá thành Công ty VTSG, tiến hành kiểm tra công tác tài chính kế toán tại các Chi nhánh nhằm xem xét, đánh giá, góp ý và trao đổi trực tiếp với các phòng chức năng tại các đơn vị; phát huy những ưu điểm và khắc phục những tồn tại trong việc quản lý tài chính, vật tư, hạch toán kế toán và các tài liệu khác.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về thẩm quyền của BKS.

3. Đánh giá của BKS đối với HĐQT, Ban TGD và cổ đông:

Báo cáo hoạt động của HĐQT, TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại trong năm 2023 và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2024. BKS thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, TGD trong năm 2023 về các mặt của Công ty.

HQĐT và Ban TGD đã chấp hành, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023, thực hiện chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty; chỉ đạo tốt công tác ứng phó bão lũ và sự cố tai nạn đường sắt; tổ chức vận chuyển hành khách, hàng hóa hợp lý và hiệu quả; tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT để quyết định kế hoạch đầu tư năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty; chỉ đạo hoàn thành xây dựng, sửa đổi các quy định, các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với hình thức công ty cổ phần và quy định của pháp luật. HĐQT đã chỉ đạo, triển khai chiến lược phát triển có tính hiệu quả và tinh thần trách nhiệm cao. Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ cuộc họp định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất, tích cực chỉ đạo Ban TGD điều hành triển khai các giải pháp lớn của Công ty.

Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời Ban TGD trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Các nghị quyết của HĐQT được ban hành tuân thủ theo thẩm quyền của HĐQT, nghị quyết của ĐHCĐ, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

HQĐT và Ban TGD đã chủ động, tích cực triển khai quyết liệt các giải pháp trong điều kiện khó khăn của hoạt động SXKD; quyết liệt chỉ đạo tiết giảm chi phí sản xuất để cân đối thu-chi trong hoạt động SXKD.

HQĐT và Ban TGD đã thực hiện báo cáo, công bố thông tin đầy đủ theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD điều hành và các cổ đông khác:

- Quan hệ với HĐQT và Ban TGD: HĐQT và Ban TGD cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

BKS kiến nghị và đề xuất với HĐQT và Ban TGD để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động SXKD.

- Quan hệ với các Chi nhánh, Phòng nghiệp vụ:

Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của BKS, đoàn kiểm tra và ý kiến của Ban TGD.

Chịu trách nhiệm khắc phục các kiến nghị của BKS theo chỉ đạo của Ban TGD.

5. Về kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và tài chính của Công ty:

BKS thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của HĐQT và Ban TGD về các mặt: kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản lý công nợ và các mặt công tác khác của Công ty, những vấn đề còn tồn tại và cần quan tâm chỉ đạo thực hiện trong năm 2024.

Năm 2023, Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong SXKD sau đại dịch vận tải hàng hóa sụt giảm do suy thoái kinh tế, thiên tai bão lũ, giá cả nhiên liệu, vật tư tăng và cùng với áp lực triển khai thi công dự án nâng cấp hạ tầng đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tập thể Ban lãnh đạo và người lao động Công ty đã có nhiều cố gắng thực hiện các giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đưa ra các hình thức kinh doanh mới và nâng cao chất lượng dịch vụ; Đồng thời sự phục hồi trở lại của vận tải hành khách nên sản lượng và doanh thu vận tải tăng so cùng kỳ (doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 1.691,9 tỷ đồng bằng 108,9 % so với cùng kỳ) đã bù đắp được chi phí sản xuất trong năm, cùng với sự chỉ đạo của HĐQT, ban điều hành ngay từ đầu năm đã kiểm soát, tiết giảm chi phí sản xuất, nhất là trong việc mua sắm vật tư, thiết bị, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tự chế tạo một số sản phẩm ứng dụng cho toa xe ... triệt để tiết kiệm chi phí nên đã cân đối được thu - chi sản xuất, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2023: 10.763 triệu đồng (Theo NQ của ĐHĐCĐ năm 2023 là 600 triệu đồng).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty đã được phản ánh đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo tài chính năm 2023 được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán. (Chi tiết tại Phụ lục số 1).

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023:(Chi tiết tại PL số 3).

Một số chỉ tiêu phân tích tài chính: (Chi tiết tại Phụ lục số 2).

Nhận xét đánh giá các chỉ tiêu tại ngày 31/12/2023:

Tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn là 0,35: Nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu là nợ phí ĐHGTVT của Công ty mẹ là Tổng công ty ĐSVN và các khoản nợ phải trả đáo hạn nên làm lượng luân chuyển tiền tệ bị thiếu, hụt.

Tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu 7,94 lần; Tỷ lệ này >1: Do các năm 2015-2019 Công ty thực hiện đầu tư mua mới 90 toa xe khách và 50 toa xe MC để đổi mới trang thiết bị vận tải, tăng tiện ích phục vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển của xã hội.

Ngoài ra hàng tồn kho là vật tư chủ yếu dùng cho sửa chữa toa xe > 60 tỷ đồng, chiếm dụng vốn kinh doanh rất lớn.

6. Công tác đầu tư phát triển:

Năm 2023 đầu tư mới 03 máy phát điện 420 KVA lắp đặt trên tàu thay thế máy phát điện cũ nâng cao suất đáp ứng nhu cầu sử dụng trang thiết bị trên tàu/ dự án đang

triển khai thực hiện (đã ký hợp đồng mua bán 03 máy phát điện ngày 25/12/2023, hợp đồng NCCT 03 toa xe để lắp 03 MFĐ mới), hiện nay các nhà thầu đang thực hiện, dự kiến trong tháng 4/2024 hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng và tháng 5&6/2024 quyết toán dự án.

7. Thẩm định báo cáo tài chính:

Trên cơ sở các báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Việt là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết. BKS đã thẩm định và nhất trí báo cáo ĐHĐCĐ như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2023 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép, lưu trữ và phân loại các nội dung kinh tế theo đúng các quy định kế toán do Bộ Tài chính và pháp luật quy định;

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;

- Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN; Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được thực hiện theo đúng nội dung quy định của một Công ty niêm yết.

8. Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023:

Năm 2023, ngành Giao thông vận tải nói chung và Công ty Cổ phần Vận tải Sài Gòn nói riêng chịu ảnh hưởng lớn từ giá cả nhiên nguyên vật liệu tăng do chiến tranh ở Đông Âu, ở dải Gaza; suy thoái kinh tế sản lượng vận chuyển hàng hóa sụt giảm, việc này tác động rất lớn đến giá vé và giá cước làm ảnh hưởng đến công tác vận tải hành khách, hàng hóa của Công ty. Tuy nhiên do sự phục hồi sau đại dịch đã gia tăng nhu cầu vận chuyển Hành khách nên các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu hành khách, đạt và vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra (tăng 108,9% so với NQ). Đồng thời Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ lãnh đạo đã điều hành quản lý chi phí sản xuất hợp lý nên đã cân đối được thu – chi sản xuất năm 2023 trong bối cảnh thị trường biến động phức tạp về nhiên liệu và lạm phát...

Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2023 sau kiểm toán là: 10.763 triệu đồng; Chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 đề ra là: 600 triệu đồng.

Lựa chọn kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Việt theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023, Công ty đã thực hiện nộp ngân sách đầy đủ, kịp thời và đã chi trả thù lao năm 2023 cho các

thành viên HĐQT và BKS theo quy định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ thông qua.

9. Các hoạt động công tác khác:

Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của CBCNV được thực hiện theo đúng Bộ Luật Lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty.

- Các tổ chức chính trị xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp.

10. Kế hoạch công tác năm 2024 của BKS:

Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty tại Cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc. Giám sát HĐQT, Ban TGD Công ty thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Tiếp tục rà soát, kiến nghị những vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của Công ty và giám sát việc tuân thủ thực hiện. Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ trong việc kiểm tra báo cáo tài chính. Giám sát việc thực hiện những nội dung đề nghị, góp ý của đơn vị kiểm toán độc lập.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

11. Nhận xét, kiến nghị:

Trong năm 2023, mặc dù Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong SXKD song nhờ định hướng đúng đắn, quyết liệt trong công tác quản lý, điều hành, cùng với sự nỗ lực của tập thể người lao động Công ty đã khắc phục khó khăn vượt qua mọi trở ngại hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua về doanh thu, lợi nhuận, nộp nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, ổn định và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, giữ vững sự ổn định trong mọi mặt hoạt động. Đến nay, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban TGD, BKS, các Chi nhánh và cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

Kiến nghị:

Để giữ vững ổn định hoạt động SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu năm 2024 được ĐHĐCĐ thường niên 2024 biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro

trong quá trình điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty, BKS đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật.

- Tập trung xây dựng bộ máy điều hành SXKD tinh gọn hiệu quả đáp ứng tốt công việc quản lý và điều hành sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị và điều hành SXKD vận tải. Chú trọng công tác truyền thông, thông tin cần thiết đối với khách hàng.

- Tăng vốn điều lệ tại thời điểm phù hợp đảm bảo đủ nguồn vốn đối ứng dự án và kế hoạch SXKD.

- Đề nghị HĐQT tiếp tục xây dựng kế hoạch trung dài hạn định hướng phát triển và cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động SXKD của Công ty.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BKS theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Thường xuyên phối hợp giữa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể; duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của BKS năm 2023. Tại ĐHCĐ thường niên năm 2024, BKS trân trọng báo cáo trình trước Đại hội, đề nghị ĐHCĐ thông qua và xác nhận báo cáo của BKS.

BKS xin chân thành cảm ơn các Cổ đông, HĐQT, Ban TGD, các Chi nhánh, các phòng nghiệp vụ và CBCNV Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng báo cáo Đại hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; Ban TGD Cty;
- Lưu: VT, BKS.

**T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Đình Điệp

Phụ lục số 1
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.691.951.960.821	1.553.980.072.754
02	2. Các khoản giảm trừ		264.747.000	37.221.400
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.691.687.213.821	1.553.942.851.354
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.495.319.811.786	1.381.327.210.516
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		196.367.402.035	172.615.640.838
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	154.536.132	1.188.386.619
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	40.996.568.373	42.272.200.837
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		40.996.568.373	42.272.200.837
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	94.990.525.984	82.754.933.391
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	63.636.405.355	63.369.712.958
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.101.561.545)	(14.592.819.729)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	16.471.503.582	20.623.512.158
32	12. Chi phí khác		2.606.781.376	5.606.290.344
40	13. Lợi nhuận khác		13.864.722.206	15.017.221.814
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.763.160.661	424.402.085
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.763.160.661	424.402.085
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.8.1	214	8
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.8.2	214	8

Phụ lục số 2
Một số chỉ tiêu phân tích tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2023	Ghi chú
I	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,35	không Tốt, công ty thiếu tiền
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,23	không Tốt, công ty thiếu tiền
II	Cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ / Tổng tài sản	Lần	0,89	89% TS của Cty hình thành từ nguồn vốn chiếm dụng (vốn vay, nợ phải trả), 11% TS hình thành từ vốn tự có.
2	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	7,94	Vốn chiếm dụng (vốn vay, nợ phải trả) = 7.94 lần VCSH)
III	Năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	23	Vòng quay HTK 23 lần
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,45	1đồng TS tạo ra 1,45 đồng DT
IV	Khả năng sinh lời			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,636%	LN dương
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	8,731%	LN dương
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,977%	LN dương

Phụ lục số 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		210.589.067.342	274.792.087.885
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	83.211.761.057	125.529.062.717
111	1. Tiền		83.211.761.057	105.529.062.717
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		58.711.263.282	78.233.189.835
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	61.701.555.917	61.004.385.748
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	7.280.083.940	4.961.064.626
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
	- <i>Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc</i>		-	-
	- <i>Phải thu nội bộ khác</i>		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4.1	27.900.438.846	26.667.493.156
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(38.170.815.421)	(14.399.753.695)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	64.502.540.414	67.381.263.300
141	1. Hàng tồn kho		70.834.840.882	67.381.263.300
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(6.332.300.468)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.163.502.589	3.648.572.033
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7.1	1.494.442.165	1.134.992.439
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		111.448.890	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	2.557.611.534	2.513.579.594
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		890.965.854.642	960.171.382.402
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		166.730.190	144.185.451
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4.2	166.730.190	144.185.451
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		856.906.264.198	930.907.263.557
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	856.906.264.198	930.907.263.557
222	- Nguyên giá		2.586.015.328.385	2.630.074.341.337
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.729.109.064.187)	(1.699.167.077.780)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		386.400.000	386.400.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(386.400.000)	(386.400.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	4.412.500.827	5.459.764.011
231	- Nguyên giá		60.325.409.063	60.325.409.063
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(55.912.908.236)	(54.865.645.052)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.333.772.677	2.314.728.639
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	3.333.772.677	2.314.728.639
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.146.586.750	21.345.440.744
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7.2	26.146.586.750	21.345.440.744
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-

270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	(270 = 100 + 200)	1.101.554.921.984	1.234.963.470.287
-----	-------------------	----------------------	-------------------	-------------------

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính:

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		978.274.380.601	1.122.446.089.565
310	I. Nợ ngắn hạn		607.539.597.210	709.118.532.440
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	254.105.117.394	330.877.218.178
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	8.199.582.937	6.244.008.633
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	28.833.826.105	30.427.736.230
314	4. Phải trả người lao động	V.15	96.315.235.645	70.057.358.486
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	7.496.018.984	14.181.854.992
316	6. Phải trả nội bộ		-	-
317	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	156.912.675.000	161.517.868.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18.1	12.644.449.548	32.767.256.409
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19.1	43.004.080.000	63.004.080.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		28.611.597	41.151.512
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
327	10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		370.734.783.391	413.327.557.125
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
333	2. Chi phí phải trả dài hạn		150.677.100	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.18.2	1.923.853.616	1.663.224.450
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19.2	368.644.370.986	411.648.450.986
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
342	7. Dự phòng phải trả dài hạn	V.20	15.881.689	15.881.689
318	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-

400	D- VỐN CHỦ SỞ HỮU		123.280.541.383	112.517.380.722
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	123.280.541.383	112.517.380.722
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.100.000.000	503.100.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		503.100.000.000	503.100.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.606.543.514	1.606.543.514
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(381.426.002.131)	(392.189.162.792)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(392.189.162.792)	(392.613.564.877)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		10.763.160.661	424.402.085
422	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí Nguồn kinh phí đã hình thành		-	-
432	2. TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	(440 = 300 + 400)	1.101.554.921.984	1.234.963.470.287

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số: 04/ TTr-VTSG-BKS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN CỦA
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần vận tải Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn kính trình Đại hội phê duyệt danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

Ban kiểm soát xin đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Chọn một đơn vị kiểm toán được phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết. Được Bộ Tài chính chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán năm 2024 của Bộ Tài Chính.

- Là một trong những công ty kiểm toán có uy tín về chất lượng kiểm toán; có nhiều kinh nghiệm kiểm toán các BCTC trong lĩnh vực vận tải theo các quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) nói chung và đối với Ngành Đường sắt nói riêng.

- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm; đáp ứng được yêu cầu của Công ty VTSG về phạm vi và tiến độ kiểm toán và có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách công ty kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán sau đây để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 như sau:

- 2.1. Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- 2.2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- 2.3. Công ty TNHH DV tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt
- 2.4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

3. Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán

Với các đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Các tiêu thức nêu tại mục 1 Tờ trình và danh sách đơn vị kiểm toán độc lập nêu tại mục 2 Tờ trình để làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm 2024 của Công ty.

- Do hiện nay Công ty VTSG đang tiến hành hợp nhất với Công ty VTHN, để cho quá trình hợp nhất được thuận lợi và đảm bảo tính thống nhất giữa hai công ty, đề xuất Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua danh sách tổ chức kiểm toán độc lập trên đây và ủy quyền cho Hội đồng quản trị được lựa chọn 01 trong 04 đơn vị kiểm toán trong danh sách này để cùng thực hiện việc soát xét, kiểm toán các BCTC năm 2024 cho cả 02 công ty VTSG và VTHN. Giao cho Tổng giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2024 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, biểu quyết thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Đình Điệp

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018;
- Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật cạnh tranh;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/04/2022 về việc phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Văn bản số 2237/UBQLV-CNHT ngày 18/10/2023 về việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Sài Gòn;
- Văn bản số 1625/BTC-TCDN ngày 07/02/2024 về việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Sài Gòn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn,

Để tăng trưởng về quy mô và tái cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động, Hội đồng quản trị (“HDQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua Phương án hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (“HRT”) và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (“SRT”) theo toàn văn Phương án hợp nhất đính kèm Tờ trình này.

Sau đây là một số nội dung chính của Phương án hợp nhất:

A. PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP

I. Thông tin về các công ty tham gia hợp nhất:

1. Thông tin chung của HRT và SRT

- Tên Công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 130 Lê Duẩn, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/01/2018
 - Vốn điều lệ: 800.589.700.000 đồng (*Tám trăm tỷ năm trăm tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 80.058.970 cổ phiếu (*Tám mươi triệu không trăm năm mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi cổ phiếu*).
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Tên công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301120371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/07/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/03/2022.
 - Vốn điều lệ: 503.100.000.000 đồng (*Năm trăm linh ba tỷ một trăm triệu đồng*).
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 50.310.000 cổ phiếu (*Năm mươi triệu ba trăm mười nghìn cổ phiếu*).
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

2. Chỉ tiêu và hoạt động kinh doanh của HRT và SRT 3 năm gần nhất

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của HRT

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% thay đổi 2022 so với 2021 (%)	Năm 2023	% thay đổi 2023 so với 2022 (%)
1. Tổng giá trị tài sản	1.479.193	1.382.994	(6,50)	1.318.843	(4,64)
2. Doanh thu thuần	1.546.925	2.313.634	49,56	2.459.669	6,31
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(129.673)	(32.376)	N/A	(5.283)	N/A
4. Lợi nhuận khác	8.012	38.163	376,32	19.349	-49,30
5. Lợi nhuận trước thuế	(121.661)	5.787	N/A	14.066	143,06
6. Lợi nhuận sau thuế	(121.661)	5.787	N/A	14.066	143,06
7. Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	-	0%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của HRT)

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của SRT

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm của 2022 so với 2021 (%)	Năm 2023	% tăng/giảm của 2023 so với 2022 (%)
1. Tổng giá trị tài sản	1.352.543	1.234.963	(8,69%)	1.101.555	(10,80%)
2. Doanh thu thuần	893.580	1.553.943	73,90%	1.691.687	8,86%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(166.871)	(14.593)	N/A	(3.102)	N/A
4. Lợi nhuận khác	27.936	15.017	(46,24%)	13.865	(7,67%)
5. Lợi nhuận trước thuế	(138.936)	424	N/A	10.763	2438,44%
6. Lợi nhuận sau thuế	(138.936)	424	N/A	10.763	2438,44%
7. Tỷ lệ trả cổ tức	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của SRT)

II. Thông tin về Công ty sau hợp nhất

1. Thông tin chung về công ty sau hợp nhất

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT
- Tên viết tắt: VRT
- Tên tiếng Anh: Railway transport joint stock Company
- Trụ sở chính: Trụ sở chính của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt sẽ đặt tại 130 đường Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt là: kinh doanh vận tải hành khách đường sắt (4911), vận tải hàng hóa đường sắt (4912) theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện theo Quy chế kinh doanh đường sắt được Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành.

Danh sách ngành nghề kinh doanh của Công ty hợp nhất:

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
1	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
2	2431	Đúc sắt, thép
3	2432	Đúc kim loại màu

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
4	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
5	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
6	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
7	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
8	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ giết mổ gia súc, gia cầm)
9	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
10	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
11	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
12	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, nước chấm các loại, muối, dầu ăn tại trụ sở)
13	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
14	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
15	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động bến thủy nội địa)
16	5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
17	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)
18	5310	Bưu chính
19	5320	Chuyển phát
20	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh)
21	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)
22	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên dụng ngành đường sắt
23	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
		ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
24	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
25	5629	Dịch vụ ăn uống khác
26	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)
27	6190	Hoạt động viễn thông khác
28	3020	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe
29	3099	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
30	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn; - Sản xuất chổi, bàn chải, bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản cơ khí điều khiển bằng tay, các loại chổi, bàn chải khác; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem dập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực và ribbon máy tính
31	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
32	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
33	3319	Sửa chữa thiết bị khác
34	3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá
35	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
36	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
37	4632	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
38	4633	Bán buôn đồ uống
39	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)
40	4781	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
41	4911 (Chính)	Vận tải hành khách đường sắt
42	4912 (Chính)	Vận tải hàng hóa đường sắt
43	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
44	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
45	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
46	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp
47	9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao
48	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
49	9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
50	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
51	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, gồm: - Thiết kế đóng mới, phục hồi, nâng cấp, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị chuyên dùng cho ngành đường sắt; - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình, mau sấm thiết bị, phương tiện vận tải; - Khảo sát thiết kế và lập dự toán công trình giao thông vận tải đường sắt và đường bộ; - Tư vấn, đấu thầu, giám sát, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông vận tải; Tư vấn giám sát chất lượng lắp đặt và chuyển giao công nghệ máy móc, thiết bị công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải

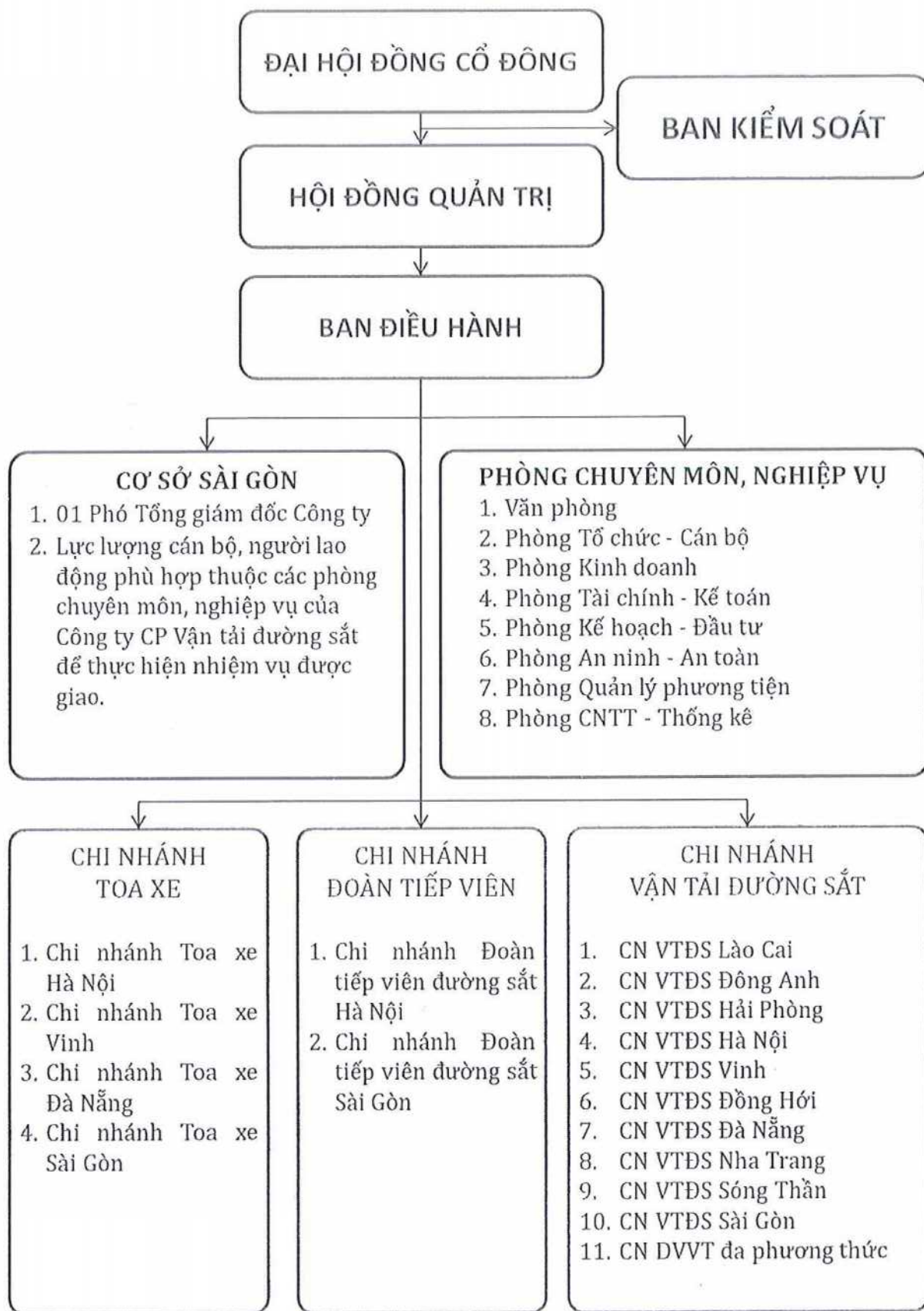
STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
52	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
53	7310	Quảng cáo
54	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng)
55	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ đóng mới, sửa chữa đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị chuyên dụng dùng cho ngành đường sắt
56	7710	Cho thuê xe có động cơ
57	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí
58	7911	Đại lý du lịch
59	7912	Điều hành tua du lịch
60	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
61	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá tài sản)
62	4789	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi sẵn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
63	4921	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành
64	4922	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
65	4929	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác
66	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt)

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
67	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
68	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
69	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
70	7990	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
71	8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)
72	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
73	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

3. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công Ty Hợp nhất là: 1.303.689.700.000 đồng (*Một nghìn ba trăm linh ba tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*)
- Số cổ phiếu phát hành: 130.368.970 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

4. Sơ đồ mô hình tổ chức của Công ty hợp nhất (trang bên).



5. Cơ cấu nguồn vốn và tài sản sau hợp nhất

Theo nguyên tắc hợp nhất thì giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn điều lệ của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội, CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ được chuyển giao cho Công ty hợp nhất tại Ngày Hợp nhất (là ngày Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Giả thiết Ngày Hợp nhất là ngày 31/12/2023, ta sẽ tính toán được các chỉ tiêu của Công ty hợp nhất dựa trên số liệu báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của HRT và SRT như sau:

Stt	Chỉ tiêu	HRT	SRT	Công ty Hợp nhất
1	Vốn điều lệ (đồng)	800.589.700.000	503.100.000.000	1.303.689.700.000
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	80.058.970	50.310.000	130.368.970
3	Tổng tài sản (đồng)	1.318.842.767.049	1.101.554.921.984	2.420.397.689.033

6. Thông tin về các mối liên hệ giữa các tổ chức bị hợp nhất

a. Quan hệ sở hữu chéo:

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là công ty mẹ của CTCP Vận tải Đường Sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn:

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu tại	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty Vận tải Đường sắt Hà Nội	73.352.196	91,62%
Công ty Vận tải Đường sắt Sài Gòn	39.464.708	78,44%

b. Quan hệ với người có liên quan khác:

Không có.

c. Quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác với bên thứ ba:

- ❖ Về vận tải hành khách: Các tổ chức hợp nhất có quan hệ kinh doanh với hành khách mua vé đi tàu trực tiếp tại các địa điểm bán vé hoặc thông qua các website của Công ty; những doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành; Cục Vận tải Bộ Quốc phòng để vận chuyển hành khách theo nhu cầu riêng.
- ❖ Về vận tải hàng hóa:
 - Duy trì và phát triển sâu rộng các thoả thuận hợp tác sử dụng sản phẩm của nhau với các Tập đoàn, Tổng công ty trong Đảng uỷ Khối doanh nghiệp trung ương như Tập đoàn Hoá chất, Tập đoàn xăng dầu, Tổng công ty Xi măng, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam v.v...
 - Tăng cường khai thác thêm các luồng hàng có khối lượng lớn vận chuyển ổn định như quặng xi từ Nhà máy nhiệt điện Na Dương đi các ga; luồng hàng hoa quả vận chuyển bằng container lạnh thu gom từ các tỉnh miền nam Trung bộ đi phía bắc xuất sang Trung

Quốc; luồng hàng sắt thép từ các nhà máy gang thép Thái Nguyên, thép Việt Trung đi các ga; luồng hàng tại các khu công nghiệp như linh kiện điện tử máy móc vận chuyển trong nước và xuất ra nước ngoài...

- Duy trì và tiếp tục thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng tàu hàng chuyên tuyến đối với một số doanh nghiệp.

Ngoài ra, còn có các cá nhân và doanh nghiệp, Cục vận tải - Bộ Quốc phòng thường xuyên vận chuyển hàng hóa bằng tàu hàng thường, tàu hàng khu đoạn trên các tuyến đường sắt.

7. Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau hợp nhất (dự kiến):

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH	
				Quý IV/ Năm 2024	Năm 2025
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.200.180	958.571	4.520.993
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	nt	4.157.965	950.990	4.497.743
a	Doanh thu vận tải	nt	3.680.908	830.273	4.072.006
b	Doanh thu DVHT vận tải và kinh doanh khác	nt	477.057	120.717	425.737
2	Doanh thu hoạt động tài chính	nt	10.817	3.081	6.250
3	Thu nhập khác (thanh lý tài sản, phạt HĐ,...)	nt	31.398	4.500	17.000
II	Tổng chi phí	Triệu đồng	4.175.351	957.635	4.497.206
1	Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ	nt	4.079.406	936.927	4.407.706
2	Chi phí tài chính	nt	90.171	20.008	87.000
3	Chi khác	nt	5.774	700	2.500
III	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.829	936	23.787
IV	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24.829	936	23.787
	Tỉ suất LN sau thuế/ Vốn điều lệ	%	1,90	0,07	1,82
	Tỉ suất LN sau thuế/ Doanh thu	%	0,60	0,10	0,53

8. Phương án sử dụng lao động

Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ người lao động của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội, CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ trở thành người lao động của Công ty Hợp nhất. Công ty Hợp nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội, CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Đồng thời, Công ty Hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại.

III. Thông tin về việc hợp nhất

1. Mục đích hợp nhất:

Việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn được thực hiện theo văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam”.

Việc hợp nhất 2 Công ty sẽ đảm bảo tính tập trung thống nhất trong hoạt động vận tải, thuận lợi trong công tác quản lý, sử dụng các nguồn lực linh hoạt, đặc biệt là việc điều hành vận dụng phương tiện; nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện và giảm chi phí sửa chữa. Ngoài ra, việc hợp nhất 2 Công ty thành một đơn vị thống nhất để tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư dây chuyền công nghệ, chiến lược kinh doanh, chính sách chăm sóc khách hàng,... nâng cao khả năng cạnh tranh với các phương tiện vận tải khác.

2. Hình thức hợp nhất:

CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội, CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công ty hợp nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu HRT và SRT lấy cổ phiếu của Công ty hợp nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Sau hợp nhất, CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác cho Công ty hợp nhất.

Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để thực hiện hợp nhất sẽ được tính toán dựa trên kết quả định giá của các Công ty bị hợp nhất thực hiện bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất và vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất.

3. Chi phí hợp nhất

Các chi phí hợp nhất bao gồm các chi phí phát sinh để thực hiện toàn bộ quá trình hợp nhất từ khi các bên ký kết hợp đồng hợp nhất cho đến khi Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới và có đầy đủ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của các Công ty bị hợp nhất, bao gồm nhưng không hạn chế ở các chi phí sau: chi phí thực hiện hồ sơ giấy tờ, xin chấp thuận; chi phí đăng ký, chuyển giao quyền sở hữu... Mỗi bên tự chịu các chi phí và phí tổn phát sinh cho bên đó liên quan đến hợp đồng và giao dịch hợp nhất, cho dù giao dịch hợp nhất có hoàn thành hay không.

4. Phương pháp kế toán hợp nhất

Giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội, CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ được chuyển giao cho Công ty hợp nhất bằng cách cộng ngang sổ kế toán, với các nguyên tắc cơ bản sau:

Vốn chủ sở hữu của Công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng Giá trị tài sản thuần của 2 Công ty tại ngày *Ngày Hợp nhất (là ngày Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*. Giá trị tài sản thuần này là chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại *Ngày Hợp nhất*. Như vậy:

- Vốn điều lệ của công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng vốn điều lệ của 2 Công ty tham gia hợp

nhất;

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế của HRT và SRT; có nghĩa công ty Hợp nhất sẽ kế thừa toàn bộ khoản lỗ lũy kế từ 2 công ty HRT và SRT;
- Các nguồn quỹ của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng các nguồn quỹ của 2 công ty tham gia hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả của Công ty hợp nhất được xác định bằng cách cộng ngang tài sản và nợ phải trả của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn tại *Ngày Hợp nhất*.

5. Các phương pháp xác định giá trị cổ phần; Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi:

a. Các phương pháp xác định giá trị cổ phần:

- Phương pháp tài sản: Phương pháp tài sản là phương pháp ước tính giá trị của doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua tính tổng giá trị thị trường của các tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của doanh nghiệp cần thẩm định giá.
- Phương pháp giá giao dịch: Phương pháp giá giao dịch là phương pháp ước tính giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua giá giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp hoặc chuyển nhượng cổ phần thành công trên thị trường của chính doanh nghiệp cần thẩm định giá.

Hạn chế của phương pháp giá giao dịch là không phản ánh được giá trị của doanh nghiệp, chịu nhiều ảnh hưởng từ ý chí chủ quan của các nhà đầu tư và diễn biến của thị trường chứng khoán chung.

Do đó, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã lựa chọn phương pháp tài sản để tính toán giá trị cổ phần làm cơ sở tính toán tỷ lệ hoán đổi thực hiện hợp nhất 2 Công ty.

b. Giá trị cổ phần

✦ Giá trị cổ phần Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội số 280301/2024/CTTĐG-AASCN ngày 28/03/2024 và Báo cáo kết quả thẩm định giá số 280301/2024/BCTĐG-AASCN của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt tại thời điểm 31/12/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của HRT tại thời điểm 31/12/2023 (1)	1.315.638.706.937 đồng
Tổng số vốn cổ phần của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội (2)	80.058.970 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (3) = (1)/(2)	16.433 đồng/cổ phần

✦ Giá trị cổ phần Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn số 280302/2024/CTTĐG-AASCN ngày 28/03/2024 và Báo cáo kết quả thẩm định giá số

280302/2024/BCTĐG-AASCN của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt tại thời điểm 31/12/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của SRT tại thời điểm 31/12/2023 (1)	648.714.098.797 đồng
Tổng số vốn cổ phần của CTCP cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (2)	50.310.000 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (3) = (1)/(2)	12.894 đồng/cổ phần

c. Tỷ lệ hoán đổi

Căn cứ theo kết quả Báo cáo kết quả thẩm định giá CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn do Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, tỷ lệ hoán đổi của các cổ đông công ty bị Hợp nhất được tính toán như sau:

Stt	Chỉ tiêu	HRT	SRT	Công ty Hợp nhất
1	Vốn điều lệ trước hợp nhất (31/12/2023)	800.589.700.000	503.100.000.000	
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (31/12/2023)	80.058.970	50.310.000	130.368.970
3	Vốn chủ sở hữu (đã được đánh giá lại) (31/12/2023)	1.315.638.706.937	648.714.098.797	
4	Giá trị 1 cổ phần đã được đánh giá lại (31/12/2023)	16.433 đồng/cổ phần	12.894 đồng/cổ phần	
5	Trọng số về tương quan tỷ lệ giá trị vốn chủ sở hữu được đánh giá lại giữa 2 công ty	66,98%	33,02%	
6	Vốn điều lệ sau hợp nhất trên sổ sách kế toán			1.303.689.700.000
7	Số vốn cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được	873.211.361.060	430.478.338.940	1.303.689.700.000

Stt	Chỉ tiêu	HRT	SRT	Công ty Hợp nhất
8	Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu ((8)=(7)/(1))	1,09071 1 cổ phiếu HRT sẽ đổi được 1,09071 cổ phiếu của công ty hợp nhất	0,85565 1 cổ phiếu của SRT sẽ đổi được 0,85565 cổ phiếu của công ty hợp nhất	
9	Số lượng cổ phiếu công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được (làm tròn xuống phần lẻ)	87.321.119	43.047.751	130.368.870
10	Dự kiến phần lẻ chênh lệch (do tính toán tỷ lệ hoán đổi) giữa cổ phiếu công ty hợp nhất mà cổ đông 2 công ty bị hợp nhất nhận được so với giá trị sổ sách cổ phiếu của công ty hợp nhất (10)=(2)-(9)			100*

(* Lưu ý: Toàn bộ số cổ phiếu lẻ còn lại (100 cổ phiếu) do nguyên tắc tính toán theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu sẽ được chuyển cho cổ đông nhà nước là Tổng công ty đường sắt Việt Nam sở hữu và quản lý. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Kết luận: Như vậy, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là:

- 01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội sẽ được hoán đổi với 1,09071 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.
- 01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ được hoán đổi với 0,85565 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.

6. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên được coi là đã chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất vào Ngày Hợp Nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày Hợp Nhất.

- Vào Ngày Hợp Nhất, các Bên sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Bên (nếu có). Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công Ty Hợp Nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công Ty Hợp Nhất.

- Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công Ty Hợp Nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.
 - Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên trong Biên bản bàn giao.
 - Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào các Bên tồn tại trước Ngày Hợp Nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
 - Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (nếu có), Công Ty Hợp Nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận chuyển quyền sở hữu từ các Công ty bị hợp nhất sang Công Ty Hợp Nhất trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Hợp Nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
 - Vào Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn thành Báo cáo tài chính của Công Ty Hợp Nhất.
 - Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ Các Bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa HRT, SRT với bên thứ ba trước Ngày Hợp Nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.
 - Công Ty Hợp Nhất sẽ không có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của các công ty bị hợp nhất.
 - Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến Ngày Hợp Nhất, các Bên vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Bên đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng hợp nhất.
7. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn mỗi cổ phần trước và sau hợp nhất, so sánh giá thị trường với giá trị sau chuyển đổi

Stt	Chỉ tiêu	HRT	SRT	Công ty Hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế (31/12/2023)	14.066.269.039	10.763.160.661	
2	Số cổ phiếu đang lưu hành	80.058.970	50.310.000	
3	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần	1,76%	2,14%	

Stt	Chỉ tiêu	HRT	SRT	Công ty Hợp nhất
4	Giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày 29/12/2023	7.000 đồng/cp	5.800 đồng/cp	
5	Vốn điều lệ của Công ty trước hợp nhất	800.589.700.000	503.100.000.000	
6	Giá trị sau khi chuyển đổi Vốn điều lệ Công ty Hợp nhất = Tổng vốn điều lệ của các Công ty tham gia hợp nhất	N/A	N/A	1.303.689.700.000

8. Lộ trình hợp nhất và trình tự, thủ tục, điều kiện, tổ chức thực hiện chuyển đổi cổ phần

a. Lộ trình hợp nhất (dự kiến)

Công việc thực hiện	Ghi chú	Thời gian
Tổ chức ĐHĐCĐ của các bên công ty bị hợp nhất để thông qua việc hợp nhất	HRT và SRT tổ chức ĐHĐCĐ để thông qua việc hợp nhất bao gồm: <i>Phương án hợp nhất được đại diện pháp luật của HRT và SRT ký theo mẫu số 81 - Phụ lục của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, Phương án SXKD sau hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất, dự thảo Điều lệ Công ty sau hợp nhất, bầu thành viên HĐQT, BKS, bầu/bổ nhiệm TGD của Công ty hợp nhất.</i>	6 tuần (bao gồm cả thời gian chốt danh sách)
2 Công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết, biên bản ĐHĐCĐ thông qua phương án, điều lệ và hợp đồng hợp nhất		Trong vòng 24h kể từ khi được thông qua
HRT và SRT thông báo và gửi cho các chủ nợ và người lao động hợp đồng hợp nhất	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng hợp nhất được ĐHĐCĐ của các Công ty tham gia hợp nhất thông qua theo quy định, các công ty tham gia hợp nhất phải thông báo và gửi cho các chủ nợ và người lao động hợp đồng hợp nhất.	Trong vòng 15 ngày kể từ khi hợp đồng hợp nhất được ký kết
2 Công ty cùng nộp hồ sơ xin ý kiến Ủy ban cạnh tranh quốc gia về tập trung kinh tế khi thực hiện hợp nhất	Nộp hồ sơ lên Ủy ban cạnh tranh quốc gia, theo dõi và giải trình hồ sơ	4 tuần

Công việc thực hiện	Ghi chú	Thời gian
HRT và SRT nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu hoán đổi để hợp nhất của UBCKNN	Nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu hoán đổi để hợp nhất của UBCKNN, theo dõi và giải trình hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN	8 tuần
2 Công ty công bố thông báo phát hành cổ phiếu hoán đổi	Công bố thông báo phát hành cổ phiếu hoán đổi trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết theo quy định và đăng tải Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức trên trang thông tin điện tử của các Công ty bị hợp nhất và Sở Giao dịch Chứng Khoán (đối với công ty đã niêm yết, đăng ký giao dịch)	Trong vòng 7 ngày kể từ ngày có giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN
2 Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu	Thời gian thực hiện quyền tối thiểu 20 ngày từ ngày công bố thông tin đến ngày chốt danh sách để hoán đổi thực hiện hợp nhất	Gửi thông báo chốt danh sách đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam 8 ngày làm việc trước ngày chốt danh sách
Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN		Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thực hiện hoán đổi cổ phiếu
Hủy đăng ký giao dịch, lưu ký cổ phần của Công ty bị hợp nhất	Ngày hủy đăng ký giao dịch của cổ phiếu HRT và SRT chính là ngày chốt danh sách để hoán đổi cổ phiếu thực hiện hợp nhất	2 tuần
Hoàn thiện hồ sơ đăng ký chính thức Công ty Hợp nhất nộp lên Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ở tại địa phương nơi có trụ sở của Công ty Hợp nhất		2 tuần
Chuyển giao toàn bộ tài sản, nợ, quyền và nghĩa vụ từ các công ty bị hợp nhất sang công ty Hợp nhất vào Ngày Hợp nhất		2 tuần
- Đăng ký cấp lại các giấy phép		4 tuần – 8 tuần

Công việc thực hiện	Ghi chú	Thời gian
chuyên ngành - Đăng ký lưu ký chứng khoán của Công ty Hợp nhất - Đăng ký giao dịch đối với Công ty Hợp nhất - Đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.		

Lưu ý: Lộ trình này có thể điều chỉnh hoặc thay đổi theo sự hướng dẫn hoặc xem xét hồ sơ của UBCK Nhà nước, Sở KH&ĐT hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.

b. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- Kể từ ngày ĐHCĐ thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
- CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội, CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của mỗi bên để tiến hành việc hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công ty Hợp Nhất (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”) và thông báo Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đến các cổ đông hiện hữu của mình. Các Bên có trách nhiệm bàn giao danh sách cổ đông chốt tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của mình cho Công ty Hợp nhất vào Ngày Hợp Nhất.
- Sau Ngày Hợp Nhất: Mọi cổ phiếu do CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội, CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn đã phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ tự động bị hủy giao dịch UpCOM trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội và chấm dứt tồn tại.
- Việc chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Trụ sở Công Ty Hợp Nhất, trong vòng 30 ngày kể từ Ngày Hợp Nhất. Cổ đông của Bên A và cổ đông của Bên B sẽ được nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công Ty Hợp Nhất. Toàn bộ Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần/Sổ cổ đông của Bên A và Bên B sẽ được tự động hủy ngay sau khi Công Ty Hợp Nhất nhận bàn giao.
- Công Ty Hợp Nhất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom.

c. Phương án huy động nguồn vốn, trong trường hợp tổ chức bị hợp nhất không đủ năng lực tài chính, để bảo đảm quyền lợi của các cổ đông phản đối, không đồng ý việc hợp nhất

- Điều 132 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có quy định: “Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình”.
- Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có quy định: “Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp nếu

ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.”

- Trong trường hợp cổ đông của HRT và SRT không biểu quyết thông qua phương án hợp nhất thì sẽ có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần. Tuy nhiên, hiện nay HRT và SRT đều bị lỗ lũy kế do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 2 năm vừa qua nên việc thu xếp, huy động nguồn tiền để thực hiện mua lại cổ phần là rất khó khăn và không khả thi.

B. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Phương án bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của cổ đông, chủ nợ, người lao động và các chức danh quản lý, khách hàng của HRT và SRT: chi tiết theo dự thảo Phương án hợp nhất đính kèm.

C. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY BỊ HỢP NHẤT

- Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
- Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp đồng này.
- Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại công ty kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
- Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng này.
- Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc Giao Dịch Hợp Nhất.
- Cung cấp kịp thời thông tin liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo yêu cầu của Bên kia.
- Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với tất cả những thông tin, tài liệu, giấy tờ... cung cấp để phục vụ cho Giao Dịch Hợp Nhất.
- Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc Giao Dịch Hợp Nhất và mọi hoạt động của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp Nhất.
- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp Nhất. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của Bên đó.
- Trong thời gian kể từ Ngày Ký Kết Hợp đồng đến Ngày Hợp Nhất, Mỗi Bên phải đảm bảo các hoạt động kinh doanh được diễn ra một cách bình thường; tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành; giữ gìn hình ảnh, thương hiệu và uy tín của mình.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng hợp nhất, Phương án hợp nhất, và theo quy định của pháp luật.

D. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua phương án hợp nhất, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu, dự thảo Hợp đồng hợp nhất, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT 2 công ty thực hiện ký kết hợp đồng hợp nhất, và chỉnh sửa, bổ sung hợp đồng hợp nhất (nếu cần) để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho Công ty và các cổ đông.

E. ĐIỀU LỆ CÔNG TY HỢP NHẤT

Dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất tuân theo quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

F. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN TỚI THUẾ VÀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Các công ty bị hợp nhất cần thực hiện quyết toán thuế, thực hiện hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước trước khi chấm dứt hoạt động.

G. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VÀ/HOẶC BỒI THƯỜNG TRONG TRƯỜNG HỢP MỘT BÊN BỊ HỢP NHẤT ĐƠN PHƯƠNG HỦY BỎ THỎA THUẬN HỢP NHẤT

Nếu một trong hai bên công ty bị hợp nhất đơn phương hủy bỏ thỏa thuận hợp nhất, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm thỏa thuận hợp nhất đã được kí kết của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt thỏa thuận hợp nhất.

H. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH ĐỂ HOÁN ĐỔI CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN HỆ THỐNG UPCOM CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty hợp nhất có trách nhiệm đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN sau khi đi vào hoạt động và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành để hoán đổi của Công ty hợp nhất sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện dự kiến: trong năm 2024. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động triển khai các thủ tục để hợp nhất 2 Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

J. CÁC NỘI DUNG ỦY QUYỀN CHO HĐQT

Để việc triển khai thực hiện công tác hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn được nhanh chóng và thuận lợi, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các công việc liên quan đến hợp nhất công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

1. Hoàn thiện Phương án hợp nhất theo các nội dung mà ĐHCĐ bắt thường đã thông qua, bao gồm nhưng không giới hạn ở Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty hợp nhất;
2. Đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn;
3. Triển khai, xây dựng và thực hiện tất cả các thủ tục, tài liệu cần thiết để phát hành cổ phiếu thực hiện hoán đổi để thực hiện hợp nhất theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
4. Chủ động triển khai thực hiện các thủ tục nhằm đảm bảo việc hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn được tiến hành nhanh chóng và đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành;
5. Tổ chức, sắp xếp bộ máy hoạt động, nhân sự của Công ty hợp nhất để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục;
6. Phối hợp với Công ty hợp nhất thực hiện tất cả các thủ tục, tài liệu cần thiết để đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch tập trung số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và trên hệ thống UpCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt toàn văn Phương án hợp nhất đính kèm./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Thư ký Cty.



Hà Nội, tháng 04/2024

PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN



MỤC LỤC

PHẦN 1 – GIỚI THIỆU VỀ CÁC CÔNG TY THAM GIA HỢP NHẤT	3
I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI	3
1. Thông tin chung về công ty.....	3
2. Danh sách cổ đông tại thời điểm ngày 28/02/2024.....	4
3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán	5
4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của công ty	6
5. Hoạt động kinh doanh	6
6. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	11
7. Thống kê lao động.....	12
8. Tình hình tài chính.....	13
9. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	20
10. Tình hình tài sản và quản lý, sử dụng đất đai	20
11. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty	22
12. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	43
II. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN.....	24
1. Thông tin chung về Công ty.....	24
2. Danh sách cổ đông tại thời điểm 01/04/2024.....	25
3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán	26
4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	27
5. Hoạt động kinh doanh	27
6. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	32
7. Thống kê lao động.....	33
8. Tình hình tài chính.....	34
9. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	40
10. Tình hình Tài sản và quản lý sử dụng đất đai.....	40
11. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty	42
12. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	43
III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA CÁC CÔNG TY BỊ HỢP NHẤT	43
1. Báo cáo kết quả thẩm định giá của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội	43
2. Báo cáo kết quả thẩm định giá của CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn	45
PHẦN 2 – THÔNG TIN VỀ VIỆC HỢP NHẤT	46
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ VIỆC HỢP NHẤT	46
1. Căn cứ pháp lý của việc hợp nhất.....	46
2. Mục đích của việc hợp nhất.....	53
3. Lợi ích của việc hợp nhất	54
4. Yêu cầu thực hiện hợp nhất	55
5. Hình thức hợp nhất	55
6. Chi phí hợp nhất.....	56
7. Phương pháp kế toán hợp nhất.....	56
II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CỔ PHẦN, TỶ LỆ HOÁN ĐỔI VÀ VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY HỢP NHẤT	56

1. Phương pháp xác định giá trị cổ phần để xác định tỷ lệ hoán đổi thực hiện hợp nhất:	56
2. Kết quả thẩm định giá.....	57
3. Phương pháp xác định vốn điều lệ, tỷ lệ và số lượng cổ phần hoán đổi.....	57
4. Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi.....	60
5. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản của công ty bị hợp nhất thành cổ phần, tài sản của công ty hợp nhất	62
6. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn mỗi cổ phần, phần vốn góp trước và sau hợp nhất, so sánh giá thị trường, với giá trị sau chuyển đổi	64
7. Lộ trình hợp nhất và trình tự, thủ tục, điều kiện, tổ chức thực hiện chuyển đổi cổ phần	65
8. Phương án huy động nguồn vốn, trong trường hợp tổ chức bị hợp nhất, sáp nhập không đủ năng lực tài chính, để bảo đảm quyền lợi của các cổ đông phản đối, không đồng ý việc hợp nhất:.....	68
PHẦN 3 – THÔNG TIN VỀ CÔNG TY SAU HỢP NHẤT VÀ PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU HỢP NHẤT.....	68
1. Thông tin chung.....	68
2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty Hợp nhất.....	69
3. Danh sách dự kiến thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	74
4. Cơ cấu tổ chức hoạt động và quản lý.....	74
5. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn tại Công ty hợp nhất.....	78
6. Phương án hoạt động kinh doanh Công ty hợp nhất trong năm 2023 – 2025.....	78
7. Cơ cấu nguồn vốn và tài sản sau hợp nhất.....	84
8. Kế hoạch kinh doanh trong những năm tới.....	84
9. Phương án sử dụng lao động.....	89
10. Thông tin về các mối liên hệ giữa các tổ chức bị hợp nhất.....	89
PHẦN 4 – PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI, LỢI ÍCH CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN	91
1. Đối với cổ đông	91
2. Đối với chủ nợ.....	93
3. Đối với người lao động.....	93
4. Đối với khách hàng.....	93
5. Quyền và nghĩa vụ của công ty bị hợp nhất	94
6. Thẩm quyền của HĐQT.....	95
7. Điều lệ Công ty hợp nhất.....	95
8. Các nội dung liên quan tới thuế và nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.....	95
9. Phương án xử lý và/hoặc bồi thường trong trường hợp một bên bị hợp nhất đơn phương hủy bỏ thỏa thuận hợp nhất.....	95

PHẦN 1 – GIỚI THIỆU VỀ CÁC CÔNG TY THAM GIA HỢP NHẤT

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

1. Thông tin chung về công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI** (sau đây được gọi tắt là **"HRT"**)
- Tên viết tắt: Haraco
- Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **Hanoi Railway Transport Joint Stock Company**
- Trụ sở chính: Số 130 Lê Duẩn, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: 024.3942 1117 Fax: 024.3822 4736
- Website: www.vantaiduongsothanoi.vn
- Vốn điều lệ: 800.589.700.000 đồng (Tám trăm tỷ năm trăm tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 80.058.970 cổ phần (Tám mươi triệu không trăm năm mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi cổ phần).

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/02/2024, trong đó:

- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 79.495.506 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 563.464 cổ phần (mua theo cam kết làm việc của Người lao động khi cổ phần hóa, việc hạn chế chuyển nhượng tuân thủ quy định của Pháp luật về cổ phần hóa).
- Các loại chứng khoán khác đang lưu hành: Không có.
- Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội tiền thân là Công ty vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ/ĐS-TCCB-LĐ ngày 07/07/2003 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại 03 Xí nghiệp liên hiệp vận tải đường sắt Khu vực 1, 2 và 3.
- Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Văn bản số 10293/VPCP-ĐMDN ngày 23/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam và Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa tại Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam. Ngày 30/10/2015, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3886/QĐ-BGTVT về việc

phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 28/01/2016.

- Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 28/01/2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/01/2018.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Hiệp, Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Ngày 08/06/2016, Ủy ban chứng khoán nhà nước ban hành công văn số 3141/UBCK-GSDC về việc chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng của Công ty.
- Ngày 15/09/2016, cổ phiếu của Công ty (Mã CK: HRT) được giao dịch chính thức trên hệ thống giao dịch Upcom theo Quyết định số 560/QĐ-SGDHN ngày 06/09/2016 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

2. Danh sách cổ đông tại thời điểm ngày 28/02/2024

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của HRT tại ngày 28/02/2024

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Số 118, Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100105052	73.352.196	91,62%
Tổng cộng				73.352.196	91,62%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/02/2024 của HRT)

2.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1% vốn cổ phần của công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1% vốn cổ phần của HRT tại ngày 28/02/2024

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Số 118, Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100105052	73.352.196	91,62%
Tổng cộng				73.352.196	91,62%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/02/2024 của HRT)

2.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Cơ cấu cổ đông của HRT tại ngày 28/02/2024

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	3.427	80.050.070	99,99
	- Tổ chức	2	73.352.396	91,62
	- Cá nhân	3.425	6.697.647	8,36
2	Cổ đông nước ngoài	7	8.900	0,01
	- Tổ chức	1	100	0,00
	- Cá nhân	6	8.800	0,01
	Tổng cộng	3.434	80.058.970	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/02/2024 của HRT)

3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán

3.1. Danh sách những công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với HRT

Stt	Tên công ty mẹ	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Quyền biểu quyền
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Số 118, Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt	91,62%	91,62%
	Tổng cộng			91,62%	91,62%

(Nguồn: HRT)

3.2. Danh sách các công ty con, công ty liên kết của HRT

Không có.

4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của công ty

Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 28/01/2016 với vốn điều lệ là 800.589.700.000 đồng, từ thời điểm đó đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Mô tả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

a. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội bao gồm 02 hoạt động chính là:

- Vận tải hành khách đường sắt: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế.
- Vận tải hàng hóa đường sắt: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không.
- Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải: Giao nhận hàng hóa và hành lý; đại lý bán vé tàu hỏa; đón tiễn hành khách đi tàu; thực hiện tác nghiệp toa xe; cho thuê sử dụng toa xe; kéo thuê toa xe hàng; các dịch vụ tác nghiệp vận tải đường sắt khác

Về hoạt động vận tải hành khách:

Hiện nay, CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội đang cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách đường sắt trên các tuyến Tàu Thống nhất; Tàu khu đoạn trên tuyến Bắc - Nam; Tàu khu đoạn tuyến Hà Nội - Hải Phòng; Tuyến Hà Nội - Lào Cai; v.v... Các nhóm khách hàng vận tải hành khách của HRT bao gồm chủ yếu là nhóm hành khách lẻ và nhóm khách hàng là các công ty, đại lý du lịch.

Công ty có hệ thống đại lý bán vé tại nhiều tỉnh, thành phố như Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, v.v... và đang tiếp tục mở thêm các đại lý mới tại các khu vực Miền Trung và phía Nam tại các thành phố lớn như: TP. Hồ Chí Minh, TP. Nha Trang, TP. Tuy Hòa, TP. Vinh, v.v... Ngoài ra, Công ty cũng tăng cường việc hợp tác, mở rộng các hình thức bán vé và thanh toán thông qua các thiết bị thông minh, ứng dụng và Website.

Công ty thực hiện việc xây dựng giá vé linh hoạt theo mùa vụ; theo các ngày trong tuần, các dịp, Lễ, Tết; theo vị trí trên toa xe, v.v... Đồng thời, Công ty cũng chủ động theo dõi, điều chỉnh tăng, giảm giá vé kịp thời phù hợp với yêu cầu thị trường.

Về hoạt động vận tải hàng hóa:

CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường sắt cho các tập đoàn công nghiệp lớn bao gồm cả vận chuyển nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra.

Các luồng hàng hóa đang được HRT vận chuyển như: Luồng hàng Apatit; Luồng hàng vật liệu xây dựng (xi măng, thạch cao, v.v.); Luồng hàng than; Luồng hàng phân bón; Hàng chuyên tuyến Container; Liên vận quốc tế; Lương thực thực phẩm; Vật liệu nội ngành, v.v...

Chính sách giá cước vận chuyển hàng hóa được xây dựng trên cơ sở giá thành vận tải; Công ty điều chỉnh linh hoạt phù hợp theo tình hình kinh tế thị trường, thương mại, chính sách của các ngành nghề sản xuất và các quy định của cơ quan Nhà nước. Giá cước khuyến khích vận tải đi xa, hàng vận chuyển 2 chiều, thu hút hàng vận chuyển tận dụng chiều trả rỗng. Giá cước phù hợp với đặc điểm của từng tuyến đường, từng luồng hàng

Các hoạt động hỗ trợ vận tải khác:

Ngoài hoạt động vận tải hành khách và vận tải hàng hóa, Công ty còn phát triển thêm các dịch vụ đầu cuối (Dịch vụ giá trị gia tăng) để nâng cao chất lượng phục vụ, tăng tính cạnh tranh với các phương thức vận tải khác nhằm nâng cao thị phần vận tải của Công ty. Cụ thể, Công ty tổ chức việc vận chuyển theo các phương thức từ Kho - Kho đối với vận chuyển hàng hóa; và phương thức từ Nhà - Nhà đối với vận chuyển hành khách. Từ đó, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm vận tải của Công ty, tận dụng nguồn nhân lực, phương tiện hiện có tăng hiệu quả kinh doanh nâng cao sản lượng vận tải.

b. Phạm vi hoạt động:

Hiện nay, địa bàn hoạt động của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội bao gồm các tuyến đường sắt sau:

- Tuyến Thống nhất: Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh;
- Tuyến phía Tây: Hà Nội - Lào Cai;
- Tuyến phía Bắc: Hà Nội - Đồng Đăng;
- Tuyến phía Đông: Hà Nội - Hải Phòng;
- Tuyến Yên Viên - Quán Triều;
- Tuyến Kép - Cái Lân.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức đường sắt vận chuyển hàng hóa, hành khách Liên vận quốc tế qua hai cửa khẩu Lào Cai/Sơn Yên và Đồng Đăng/ Bằng Tường với đường sắt Trung Quốc.

Năng lực một số tuyến và ga đường sắt phía Tây Hà Nội – Lào Cai bao gồm:

- Tuyến Yên Viên - Lào Cai: đã nâng cấp, cải tạo và chạy trên 20 đôi tàu/ngày, đêm. Trong đó là 05 đôi tàu khách, 06 - 07 đôi tàu chở Apatit và các tàu hàng hoá khác 03 đôi. Và năng lực còn dư 08 đôi tàu với mỗi đoàn tàu hàng hiện nay kéo được 24 – 30 toa, tương đương với khoảng 1.000 Tấn/đoàn. Hiện tại, ngành đường sắt đã nâng cấp

các cầu yếu và đã thử nghiệm việc đưa đầu máy lớn lên kéo tàu hàng, có thể kéo tới 35 toa/đoàn, tương đương với trên 1000 Tấn/đoàn.

- Ga Lào Cai sau khi cải tạo: có năng lực xếp dỡ đạt 200 toa/ngày, đêm.
- Ga Xuân Giao: là ga kết nối với đường sắt công nghệ mở, có nhiều trọng điểm đường xếp dỡ, vừa được cải tạo thêm đường xếp, dỡ.

c. Tình hình quản lý, sử dụng toa xe và công tác an toàn vận tải:

Số lượng toa xe quản lý:

- Số lượng toa xe hàng HRT hiện đang quản lý và khai thác (số liệu tính đến thời điểm 31/12/2023):

Chủng loại	CD	CD3V	CDr	G	H	Hmđ	Hr	Mc	Mvt	N	XT	XTBN	Tổng
Tổng cộng	28	7	2	735	846	208	187	400	7	99	3	11	2.533

Ghi chú:

- Chưa tính 94 toa xe Hc31 thuê của Tổng công ty ĐSVN
- Không tính 74 toa xe đã có quyết định thanh lý
- Số lượng toa xe khách HRT hiện đang quản lý và khai thác (số liệu tính đến thời điểm 31/12/2023):

TT	Loại toa xe	Ký hiệu	Tổng số (xe)	Tổng năng lực Chuyên chở	
				(Chỗ)	(Tấn)
	Tổng (I+II)		491		
I	Toa xe 1.000mm		485		
1	Xe giường nằm mềm (28)	An28	154	4.312	1.048
2	Xe giường nằm mềm (26)	An26	05	130	47
3	Xe giường nằm mềm (24)	An24	10	240	79
4	Xe giường nằm mềm (22)	An22	02	44	17
5	Xe giường nằm mềm (20)	An20	02	40	19
6	Xe giường nằm cứng (42)	Bn42	69	2.898	553
7	Xe giường nằm cứng (48)	Bn48	02		
8	Xe ngồi mềm 2 tầng	A2T	10	1.080	100

TT	Loại toa xe	Ký hiệu	Tổng số (xe)	Tổng năng lực Chuyên chở	
				(Chỗ)	(Tấn)
9	Xe ngồi mềm 64 ghế	A64	63	4.032	420
10	Xe ngồi mềm 56 ghế	A56	28	1.568	280
11	Xe ngồi mềm 48 ghế	A48	02	96	19
12	Xe ngồi cứng 64 ghế	B64	02	128	20
13	Xe ngồi cứng 80 ghế	B80	37	800	115
15	Xe hàng cơm	HC	28	781	197
16	Xe hàng cơm- Phát điện	HC-PĐ	02	48	11
17	Xe Công vụ phát điện	CV-PĐ	40	551	114
18	Xe bưu vụ	BV	03		36
19	Xe Bưu vụ phát điện	BV-PĐ	02	40	19
20	Xe hành lý	HL	23		231
21	Xe hành lý phát điện	HL-PĐ	01	06	06
II	Toa xe 1.435mm		06		
1	Xe ngồi cứng	Br	01		
2	Xe ghế dọc	Cr	04		
3	Xe hành lý	HLr	01		

(Nguồn: HRT)

Về công tác quản lý sửa chữa, cải tạo nâng cấp và vận dụng toa xe:

▪ Toa xe khách:

Các toa xe khách được sửa chữa định kỳ hàng năm, cụ thể: định kỳ 14 tháng với toa xe có thời gian vận dụng dưới 30 năm và 12 tháng với toa xe có thời gian vận dụng trên 30 năm. Bên cạnh đó, sau 04 kỳ sửa chữa nhỏ hoặc thời gian vận dụng tính từ kỳ sửa chữa lớn lần trước được 06 năm thì toa xe được sửa chữa lớn.

▪ Toa xe hàng:

Các toa xe hàng được sửa chữa định kỳ hàng năm, cụ thể: định kỳ 20 tháng với toa xe có thời gian vận dụng dưới 30 năm và 15 tháng với toa xe có thời gian vận dụng trên 30 năm. Bên cạnh đó, sau 05 kỳ sửa chữa nhỏ với toa xe khổ đường 1.000mm và sau 06 kỳ sửa chữa nhỏ với toa xe khổ đường 1.435mm thì các toa xe này được sửa chữa lớn.

Về công tác an toàn vận tải đường sắt:

Công ty đã triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản, chỉ thị của các cấp quản lý và của Công ty về công tác đảm bảo an toàn vận tải đường sắt đến các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc. Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 02/4/2018 của Đảng ủy Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Công ty đã xây dựng Chương trình hành động số 1126/CTr-VTHN ngày 14/5/2018; Kế hoạch 07-KH/ĐU ngày 11/01/2021 của Đảng ủy Công ty về triển khai Chỉ thị số 01-CT/ĐU ngày 15/12/2020 của BTV Đảng ủy TCT ĐSVN về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 02/4/2018 của BCH Đảng bộ TCT ĐSVN về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác đảm bảo trật tự ATGTĐS trong tình hình mới; Quyết định số 28/QĐ-VTHN ngày 19/01/2021 v/v Quy định về công tác quản lý an toàn giao thông đường sắt; Quyết định số 147/QĐ-VTHN ngày 26/3/2021 v/v Quy định khen thưởng công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt. Tổng giám đốc Công ty đã ban hành Quyết định số 183/QĐ-VTHN ngày 03/4/2023 về việc Ban hành Quy định về chỉ tiêu, mức khuyến khích vật chất trong công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt; Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2020 v/v Quy chế xử lý trách nhiệm người đứng đầu trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu.

Bên cạnh đó, Công ty đã tổ chức ký Cam kết giữa Giám đốc các đơn vị với Tổng giám đốc Công ty về việc đảm bảo an toàn giao thông đường sắt, an toàn cháy nổ, an ninh trật tự; Xây dựng các kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông đường sắt hàng năm; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc thực hiện Quy chuẩn, quy trình tác nghiệp nhằm kịp thời có biện pháp xử lý, khắc phục nhằm giữ vững và đảm bảo an toàn các mặt.

5.2. Doanh thu theo nhóm sản phẩm, Lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm

▪ Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu doanh thu của HRT qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.546.925	100	2.312.326	99,94	2.458.989	99,97
- Doanh thu vận tải	1.349.975	87,27	2.079.958	89,90	2.252.697	91,59
- Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải	196.950	12,73	232.368	10,04	206.292	8,39
2. Doanh thu bán hàng	-	0,00	1.309	0,06	680	0,03

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
khác						
Tổng DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.546.925	100	2.313.634	100	2.459.669	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của HRT)

▪ **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Cơ cấu lợi nhuận gộp của HRT qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1. Lợi nhuận gộp hoạt động cung cấp dịch vụ	59.812	100	204.900	99,99	226.557	100
- Lợi nhuận gộp hoạt động vận tải	59.551	99,56	187.926	91,71	209.572	92,50
- Lợi nhuận gộp hoạt động hỗ trợ vận tải	261	0,44	16.974	8,28	16.985	7,50
2. Lợi nhuận gộp hoạt động bán hàng khác	-	-	18	0,01	-	-
Tổng LNG về bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.812	100	204.918	100	226.557	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của HRT)

6. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của HRT

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% thay đổi 2022 so với 2021 (%)	Năm 2023	% thay đổi 2023 so với 2022 (%)
1. Tổng giá trị tài sản	1.479.193	1.382.994	(6,50)	1.318.843	(4,64)
2. Doanh thu thuần	1.546.925	2.313.634	49,56	2.459.669	6,31
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(129.673)	(32.376)	N/A	(5.283)	N/A
4. Lợi nhuận khác	8.012	38.163	376,32	19.349	-49,30
5. Lợi nhuận trước thuế	(121.661)	5.787	N/A	14.066	143,06
6. Lợi nhuận sau thuế	(121.661)	5.787	N/A	14.066	143,06
7. Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	-	0%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của HRT)

7. Thống kê lao động

Tình hình lao động của HRT tại ngày 31/12/2023

Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ %	Ghi chú
A. Loại hợp đồng lao động	3.153		
1. HĐLĐ không xác định thời hạn	3.140	99,59	
2. HĐLĐ xác định thời hạn	-	0	
3. Lao động thuộc diện không ký HĐLĐ	13	0,41	Trong đó: 13 (08 người quản lý + 05 cán bộ công đoàn)
Tổng số lao động = (1)+(2)+(3)	3.153	100	
B. Trình độ đào tạo			
1. Đại học và trên đại học	826	26,19	
2. Cao đẳng, trung cấp	1.049	33,27	
3. Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	1.278	40,54	
Tổng số lao động = (1)+(2)+(3)	3.153	100	

(Nguồn: Danh sách lao động chốt tại ngày 31/12/2023 của HRT)

Thu nhập bình quân người lao động của HRT qua các năm

Năm	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng):
2021	8.003.000
2022	9.876.000
2023	11.960.000

(Nguồn: HRT)

8. Tình hình tài chính

8.1. Tình hình công nợ

a. Tình hình các khoản phải thu

Tình hình các khoản phải thu của HRT qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	96.650	96.143	101.865
1	Phải thu khách hàng	78.558	75.206	73.597
2	Trả trước cho người bán	7.628	2.092	4.466
3	Các khoản phải thu khác	23.516	37.570	42.367
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(13.052)	(18.725)	(18.565)
II	Các khoản phải thu dài hạn	98	95	100
1	Phải thu dài hạn khác	98	95	100
Tổng cộng		96.748	96.238	101.965

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của HRT)

Ghi chú:

(*) Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tình hình các khoản phải thu khó đòi của HRT qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2022		Tại 31/12/2021	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
1	CTCP Dịch vụ Đường sắt Khu vực I	9.550		9.610	0	9.650	0
2	Chi phí tai nạn giao thông đường sắt: Sập cầu Gành năm 2016	4.729		4.729	0	0	0
3	Chi phí tai nạn giao thông đường sắt - Tàu SE2 năm 2018	1.705		1.705	0	0	0
4	CTCP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	918		918	0	1.318	0
5	Chi phí tai nạn giao thông đường sắt - Tàu SE19 năm 2017	827		827	0	0	0
6	CTCP DAP số 2	415		515	0	845	0
7	Công ty TNHH Nguyên Trung			0	0	650	0
8	Công ty Bê tông Bảo Quân Vĩnh Phúc	186		186	0	286	0
9	Các đối tượng khác	235		236	0	303	0
	Tổng cộng	18.565		18.725	0	13.052	0

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 của HRT)

b. Tình hình các khoản phải trả

Tình hình các khoản phải trả của HRT qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I	Nợ ngắn hạn	492.976	481.511	482.533
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	116.864	86.785	79.173
2	Phải trả cho người bán	205.720	90.210	71.653
3	Người mua trả tiền trước	2.595	3.086	1.707
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.660	30.257	42.285
5	Phải trả người lao động	79.130	107.943	144.882
6	Chi phí phải trả	12.526	24.213	27.469
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	42.137	28.644	30.783
8	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	96	96	96
9	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	8.248	110.277	84.485
II	Nợ dài hạn	571.459	480.938	401.698
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	567.622	477.136	397.905
2	Phải trả dài hạn người bán	0	0	
3	Phải trả dài hạn khác	3.837	3.801	3.793
	Tổng cộng	1.064.435	962.449	884.231

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của HRT)

8.2. Dự nợ vay tính đến thời điểm 31/12/2023

Tình hình các khoản nợ vay của HRT tính đến thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2023	Số có khả năng trả nợ
I. Vay ngắn hạn	79.173	79.173
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	26.584	26.584
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	8.847	8.847

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2023	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	22.172	22.172
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	21.570	21.570
II. Vay dài hạn	397.905	397.905
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	0	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	44.236	44.236
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	197.192	197.192
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	156.477	156.477
Tổng cộng	477.078	477.078

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của HRT)

8.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của HRT năm 2021, 2022, 2023

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,76	0,84	0,88
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,59	0,69	0,74
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,70	0,67
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,57	2,29	2,03
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	17,28	27,06	31,6
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,05	1,67	1,87
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(7,86)	0,25	0,57
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(29,33)	1,38	3,24
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(8,22)	0,42	1,07
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(8,38)	(1,40)	(0,21)
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	(1.520)	72	175,7

(Nguồn: Số liệu tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của HRT)

8.4. Ý kiến của đơn vị kiểm toán

▪ Đối với Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán:

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 031/VACO/BCKT.NV2 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Công ty TNHH kiểm toán VACO, Kiểm toán viên đã nêu ý kiến như sau:

“Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó, Công ty trình bày thông tin về sự cố sập Cầu Ghềnh (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) phát sinh từ tháng 3/2016 và tai nạn tàu SE2 tháng 02/2017, tại thời điểm hiện tại, chưa có kết quả phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về xử lý sự cố cũng như trách nhiệm bồi thường của các bên liên quan; việc ghi nhận chi phí khắc phục sự cố tùy thuộc vào phán quyết của cơ quan có thẩm quyền.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 15 và Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó, Công ty trình bày thông tin về việc: Một phần diện tích đất Công ty quản lý, sử dụng chưa được chuyển giao hợp đồng thuê đất từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam sau khi cổ phần hóa, theo đó, Công ty ghi nhận chi phí thuê đất theo thông báo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và thông báo của cơ quan thuế. Chi phí tiền thuê đất và thuế đất của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào thông báo chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả thông tin liên quan đến việc Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh đã khởi kiện Công ty vi phạm Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16 tháng 12 năm 2008; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và thông báo số 14/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ đã thông qua chủ trương hợp nhất Công ty với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.”

▪ **Đối với Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:**

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 036/VACO/BCKT.NV2 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH kiểm toán VACO, Kiểm toán viên đã nêu ý kiến như sau:

“Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó, Công ty trình bày thông tin về việc: Một phần diện tích đất Công ty quản lý, sử dụng chưa được chuyển giao hợp đồng thuê đất từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam sau khi cổ phần hóa, theo đó, Công ty ghi nhận chi phí thuê đất theo thông báo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và thông báo của cơ quan thuế. Chi phí tiền thuê đất và thuế đất của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào thông báo chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại đó trình bày thông tin về: (i) Giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty và các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty. (ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Thông báo số 14/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 01 năm 2022, Văn bản số 303/TTg-ĐMDN của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 đã thông qua chủ trương hợp nhất Công ty với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả thông tin liên quan đến việc Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Ý Minh đã khởi kiện Công ty vi phạm Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16 tháng

12 năm 2008.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.”

▪ **Đối với Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 - Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước và Thuyết minh số 34.2 - Quản lý sử dụng đất tại Công ty thuộc phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó, Công ty trình bày thông tin về việc: Một phần diện tích đất Công ty quản lý, sử dụng chưa được chuyển giao hợp đồng thuê đất từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam sau khi cổ phần hóa, theo đó Công ty ghi nhận chi phí thuê đất theo thông báo của Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam và thông báo của cơ quan thuế. Chi phí tiền thuê đất và thuế đất của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào thông báo chính thức của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 - Giả định hoạt động liên tục thuộc phần thuyết minh Báo cáo tài chính, tại đó trình bày thông tin về: (i) Giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty và các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty; và (ii) Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên và thông báo số 14/TP-VPCP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 01 năm 2022, văn bản số 303/TTg-ĐMDN của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 đã thông qua chủ trương hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34.4 – Thông tin về tranh chấp, kiện tụng thuộc phần thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả thông tin liên quan đến việc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Vận chuyển hàng hóa Ý Minh đã khởi kiện Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16 tháng 12 năm 2008.

9. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của HRT

STT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Đỗ Văn Hoan	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Viết Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Lê Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị
II	Ban kiểm soát	
1	Trần Thị Tú Anh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Lê Trần Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Vương Phương Thảo	Thành viên Ban kiểm soát
III	Ban Tổng Giám đốc	
1	Nguyễn Viết Hiệp	Tổng Giám đốc
2	Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Lương Văn Chiến	Kế toán Trưởng

(Nguồn: HRT)

10. Tình hình tài sản và quản lý, sử dụng đất đai

a. Tình hình tài sản của HRT

Tình hình tài sản của HRT tại ngày 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	Tỷ lệ % GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình			
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	110.445	23.813	21,56%

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	Tỷ lệ % GTCL/NG
2	Máy móc, thiết bị	258.520	12.056	4,66%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.164.112	783.322	24,76%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	7.841	291	3,71%
5	TSCĐ khác	30	0	0,00%
	Tổng cộng (I)	3.540.948	819.482	23,14%
II	Tài sản cố định vô hình			
1	Quyền sử dụng đất	8.416	6.903	82,02%
2	Phần mềm máy tính	839	293	34,92%
3	TSCĐ khác	147	0	0,00%
	Tổng cộng (II)	9.402	7.196	76,54%
	TỔNG CỘNG (I)+(II)	3.550.350	826.678	23,28%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của HRT)

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 số tiền là: 1.755.384.963.727 đồng (tại ngày 01/01/2023 là: 1.481.877.688.730 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2023 số tiền là: 758.886.345.042 đồng (tại ngày 01/01/2023 là: 831.445.169.636 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 330.000.000 VND (tại ngày 01/01/2023 là 655.000.000 VND).

b. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai

Tình hình quản lý và sử dụng đất đai của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội tại thời điểm ngày 31/12/2023 được trình bày tại PHỤ LỤC 1 của Phương án này.

Ghi chú:

Theo Khoản (i) Thuyết minh số 34.2 của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của HRT, cụ thể: “Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, sau cổ phần hóa, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ 91,6% vốn điều lệ của Công ty; đồng thời, một số lô đất được giao, được thuê sử dụng chuyển giao cổ phần hóa tính vào vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty đang do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ký kết và chưa được chuyển giao ký lại các hợp đồng thuê đất trực tiếp giữa Công ty và Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Theo đó, ngoài tiền thuê đất, tiền

thuế đất phải nộp trực tiếp cho Cơ quan thuế, Công ty phải nộp tiền thuê đất, tiền thuế đất thông qua Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam"

11. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty

a. Thuận lợi

Địa bàn hoạt động lớn:

CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giao quản lý địa bàn hoạt động kinh doanh rộng lớn, bao gồm các tuyến đường sắt:

- Tuyến Thống nhất: Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh;
- Tuyến phía Tây: Hà Nội - Lào Cai;
- Tuyến phía Bắc: Hà Nội - Đồng Đăng;
- Tuyến phía Đông: Hà Nội - Hải Phòng;
- Tuyến Yên Viên - Quán Triều;
- Tuyến Kép - Cái Lân.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức đường sắt vận chuyển hàng hóa, hành khách Liên vận quốc tế qua hai cửa khẩu Lào Cai /Sơn Yêu và Đồng Đăng/Bảng Tường với đường sắt Trung Quốc.

Nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng:

Là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa, Công ty được thừa hưởng nhiều nguồn lực phải kể đến như: Hạ tầng, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị...

Với số lượng trang thiết bị Đầu máy - Toa xe hiện đang khai thác; hệ thống kho - bãi; hệ thống nhà xưởng; số lượng phương tiện thiết bị được đầu tư đồng bộ và hiện đại đảm bảo đủ các tiêu chuẩn trong việc tổ chức kinh doanh vận tải; tổ chức bốc xếp, vận chuyển, lưu kho và bảo quản hàng hóa.

Ngoài ra, Công ty có đội ngũ cán bộ, nhân viên, kỹ thuật lành nghề; đội ngũ lãnh đạo năng động, với trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm lâu năm được đúc kết qua thực tiễn.

b. Khó khăn

Áp lực cạnh tranh:

Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình vận tải khác, đặc biệt là vận tải đường bộ với sự đầu tư mạnh mẽ của nhà nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành. Vận tải đường sắt sẽ khó cạnh tranh được với các loại hình vận tải khác với kết cấu hạ tầng hiện nay xuống cấp và lạc hậu do đã khai thác hàng trăm năm. Phương tiện đầu máy, toa xe có nhiều chủng loại và công suất khác nhau, trong đó loại đầu máy có công suất thấp, cũ, lạc hậu chiếm tỷ lệ lớn, hạn chế tốc độ và tiêu hao nhiều nhiên liệu, cũng như khó khăn trong vận dụng.

Trong đó, hoạt động vận tải hành khách đang cạnh tranh chủ yếu với ngành đường hàng không và đường bộ. Khi mà các hãng hàng không giá rẻ ra đời cung cấp nhiều đường bay cự li ngắn và trung bình, cùng với đó là độ vận chuyển nhanh. Trong khi đó, hoạt động vận tải hàng hóa lại đang cạnh tranh chủ yếu với ngành đường bộ và đường thủy do tính linh hoạt và giá cước vận chuyển rẻ hơn so với đường sắt.

Biến động giá và nguồn nguyên vật liệu đầu vào:

Tình hình lạm phát tăng cao khiến giá các nguyên vật liệu đầu vào gia tăng, trong khi đó nhiên liệu là chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành và cước vận tải ngành đường sắt. Bên cạnh đó, nguyên vật liệu phục vụ ngành đường sắt mang tính đặc thù, phần lớn phụ thuộc vào các nhà sản xuất nước ngoài, phụ tùng đầu máy, điều hòa không khí không có sẵn trên thị trường. Do đó, tiến độ hoạt động kinh doanh có thể bị gián đoạn khi không tìm được nguồn cung cấp phụ tùng thay thế kịp thời.

Khó khăn khác:

Tiêu chuẩn kỹ thuật các tuyến đường hiện nay thiếu đồng cấp, tính đồng bộ chưa cao giữa các tuyến đường và phương tiện, giữa hệ thống kho bãi và thiết bị xếp dỡ tại các ga dẫn tới vận chuyển hàng hóa gặp nhiều khó khăn.

Nhiều chủng loại Đầu máy, Toa xe hiện nay đã xuống cấp, kỹ thuật đã lạc hậu không còn đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng nên dẫn đến việc hiệu quả sử dụng và khai thác kém, năng suất thấp, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tốn kém.

Trình độ của một bộ phận người lao động còn hạn chế, chưa phát huy được mọi nguồn lực, công tác phát triển thị trường còn hạn chế. Chất lượng phục vụ chăm sóc khách hàng tuy đã được cải thiện song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

12. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Theo bản án phúc thẩm số 177/2021/KDTM-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và trên cơ sở nguyên tắc thận trọng của Chuẩn mực Kế toán: Công ty đã ghi nhận vào chi phí năm 2021 số tiền là 18.267.444.877 VND (bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển hàng hóa Ý Minh về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2008 là 17.623.809.695 VND và tiền khai thác 51 toa xe từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 là 643.635.182 VND.

Ngày 29/06/2022, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định số 16/2022/KN-KDTM kháng nghị Giám đốc, đề nghị Ủy ban Thẩm phán cấp cao tại Hà Nội xét xử Giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 177/2021/KDTM ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm 06/2022/KDTM-ST ngày 26/01/2021 và ngày 01/02/2021 của Tòa án Nhân

dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, giao Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, chưa có kết luận của Giám đốc thẩm.

II. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN** (sau đây được gọi tắt là “SRT”);
- Tên viết tắt: SARATRANS.,JSC (theo Đăng ký kinh doanh);
- Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN;
- Tên giao dịch tiếng Anh: SAI GON RAILWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY;
- Trụ sở chính: Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điện thoại: +84-8-38.290.198 Fax: +84-8-38.225.722
- Website: www.saigonrailway.com.vn
- Vốn điều lệ: 503.100.000.000 đồng (Năm trăm linh ba tỷ một trăm triệu đồng).
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 50.310.000 cổ phần (Năm mươi triệu ba trăm mười nghìn cổ phần).

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/04/2024, trong đó:

- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 49.829.280 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 480.720 cổ phần (Cổ phiếu mua theo cam kết làm việc của Người lao động khi cổ phần hóa, việc hạn chế chuyển nhượng tuân thủ theo quy định Pháp luật về cổ phần hóa).
- Các loại chứng khoán khác đang lưu hành: Không có.
- Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn, tiền thân là Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/ĐS-TCCB ngày 07/07/2003 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại 03 Xí nghiệp liên hiệp vận tải đường sắt Khu vực 1, 2 và 3.
- Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Văn bản số 10293/VPCP-ĐMDN ngày 23/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam và Quyết định số

64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện có phân hóa tại Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam. Ngày 30/10/2015, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3885/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Vận tải đường sắt Sài Gòn và Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/02/2016.

- Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/02/2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301120371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/07/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/03/2022.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Văn Truyền, chức danh Tổng Giám đốc.
- Ngày 11/5/2016, Ủy ban chứng khoán nhà nước ban hành công văn số 2477/UBCK-GSDC về việc chấp thuận đăng ký công ty đại chúng của Công ty.
- Ngày 25/11/2016, cổ phiếu của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (Mã CK: SRT) được giao dịch chính thức trên hệ thống giao dịch Upcom theo Quyết định số 756/QĐ-SGDHN ngày 18/11/2016 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Danh sách cổ đông tại thời điểm 01/04/2024

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SRT

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Số 118, Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100105052	39.464.708	78,44%
2	Vũ Đức Tâm	40/19 Xuân Thủy, Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	024529936	6.587.393	13,09%
	Tổng cộng			46.052.101	91,53%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/04/2024 của SRT)

2.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1% vốn cổ phần của công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1% vốn cổ phần của SRT tại ngày 01/04/2024

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Số 118, Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100105052	39.464.708	78,44%
2	Vũ Đức Tâm	40/19 Xuân Thủy, Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	024529936	6.587.393	13,09%
	Tổng cộng			46.052.101	91,53%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/04/2024 của SRT)

2.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Cơ cấu cổ đông của SRT tại ngày 01/04/2024

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	1.510	50.270.100	99,92%
	- Tổ chức	1	39.464.708	78,44%
	- Cá nhân	1.509	10.805.392	21,48%
2	Cổ đông nước ngoài	4	39.900	0,08%
	- Tổ chức	1	2.000	0,00
	- Cá nhân	3	37.900	0,08%
	Tổng cộng	1.514	50.310.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/04/2024 của SRT)

3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán

3.1. Danh sách những công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SRT

Stt	Tên công ty mẹ	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Quyền biểu quyền
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Số 118, Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100105052	39.464.708	78,44%

(Nguồn: SRT)

3.2. Danh sách các công ty con, công ty liên kết của SRT

Không có.

4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/02/2016 với số vốn điều lệ là 503.100.000.000 đồng, từ thời điểm đó đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Mô tả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn bao gồm 02 hoạt động chính:

- Vận tải hành khách đường sắt: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế.
- Vận tải hàng hóa đường sắt: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không.

Về hoạt động vận tải hành khách:

Hiện nay, Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách đường sắt trên các tuyến tàu Thống Nhất, Tàu khu đoạn trên tuyến Bắc-Nam. Các khách hàng của Công ty bao gồm chủ yếu là nhóm khách hàng lẻ và nhóm khách hàng là các công ty, đại lý du lịch.

Các đoàn tàu khách chạy theo quy định của biểu đồ chạy tàu do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xây dựng và ban hành hàng năm. Tàu chạy chiều từ Hà Nội đến Sài Gòn mang số lẻ, chiều từ Sài Gòn đến Hà Nội mang số chẵn.

SRT bố trí toa xe, trang thiết bị phục vụ hành khách, lương thực thực phẩm phục vụ ăn uống, nhân viên phục vụ trên tàu (tiếp viên phục vụ đón tiễn khách và tiếp viên phục vụ ăn uống) trên các đoàn tàu khách do Công ty quản lý để phục vụ vận chuyển hành khách.

Tại một số ga dọc đường, SRT bố trí một số trạm hoặc tổ khám chữa toa xe để thực hiện công tác kiểm tra, chỉnh bị đoàn tàu khi chạy dọc đường để đảm bảo an toàn chạy tàu.

Mạng lưới bán vé: SRT tổ chức bán vé cho hành khách tại các ga có tác nghiệp đón trả khách trên mạng lưới đường sắt quốc gia, bán vé tại các đại lý bán vé tàu hỏa ký hợp đồng, bán vé qua mạng internet, qua các ứng dụng, App, ...

Về hoạt động vận tải hàng hóa:

Hiện nay, Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường sắt cho các cá nhân và doanh nghiệp, Cục vận tải – Bộ Quốc phòng bằng tàu hàng chuyên tuyến và tàu hàng thường.

Công ty đang quản lý và khai thác tổng số 989 toa xe hàng (20 CD, 716G, 4HL, 27H, 38Hmd, 158Mc, 4Mvt, 6N, 5P, 11XT), với số lượng toa xe lớn đáp ứng cho các khách hàng vận chuyển với khối lượng lớn trong năm và thời gian hợp tác lâu dài.

Ngoài ra, chính sách giá cước vận chuyển hàng hóa được Công ty điều chỉnh linh hoạt, phù hợp theo tình hình kinh tế thị trường, thương mại, chính sách của các ngành nghề sản xuất và các quy định của cơ quan Nhà nước.

Cơ sở của công tác tổ chức chạy tàu là Biểu đồ chạy tàu, Biểu đồ chạy tàu là mệnh lệnh đối với tất cả nhân viên đường sắt và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, Biểu đồ chạy tàu được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xây dựng và ban hành. Các Công ty Vận tải đường sắt cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về nhu cầu vận tải, năng lực phương tiện, thiết bị vận tải phục vụ cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam dùng để phục vụ cho việc xây dựng, công bố và điều chỉnh biểu đồ chạy tàu, điều hành giao thông vận tải đường sắt và thực hiện chạy tàu an toàn, đúng hành trình đã được phân bổ trong biểu đồ chạy tàu.

Các hoạt động hỗ trợ vận tải khác:

Ngoài hoạt động vận tải hành khách và vận tải hàng hóa, Công ty còn chú trọng phát triển, mở rộng dịch vụ đầu cuối, các dịch vụ hỗ trợ vận tải (dịch vụ giá trị gia tăng) để nâng cao chất lượng phục vụ, tăng tính cạnh tranh với các phương thức vận tải khác nhằm nâng cao thị phần vận tải của Công ty. Cụ thể: Công ty tổ chức khai thác, phát triển dịch vụ vận chuyển hàng nhanh theo tàu khách, dịch vụ trọn gói từ kho đến kho, dịch vụ du lịch. Từ đó, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm vận tải của Công ty, tận dụng nguồn nhân lực, phương tiện tăng hiệu quả kinh doanh nâng cao sản lượng vận tải.

b. Phạm vi hoạt động

Hiện nay, các tuyến đường sắt mà SRT khai thác phục vụ cho nhu cầu vận tải hành khách gồm:

- Tuyến Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh và ngược lại.
- Tuyến Hà Nội – Lào Cai và ngược lại.
- Tuyến Hà Nội – Hải Phòng và ngược lại.
- Tuyến Hà Nội – Đồng Đăng và ngược lại.
- Tuyến Hà Nội – Quán Triều và ngược lại.
- Tuyến Đà Lạt – Trại Mát và ngược lại.

Các tuyến đường sắt mà SRT khai thác phục vụ cho nhu cầu vận tải hàng hóa gồm:

- Tuyến Thống Nhất (Sóng Thần – Giáp Bát và ngược lại).
- Tuyến khu đoạn: Hà Nội – Đồng Đăng, Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lào Cai, Kép – Hạ Long.

c. Tình hình quản lý, sử dụng đầu máy, toa xe và công tác an toàn vận tải:

Số lượng toa xe quản lý:

- Số lượng toa xe hàng SRT hiện đang quản lý và khai thác (từ thời điểm 01/01/2024):

CD	G	H	HL	Hmđ	Mc	Mmv	N	P	XT	TỔNG SỐ
20	703	25	4	38	157	3	6	5	9	970

(Nguồn: SRT)

- Số lượng đầu máy SRT hiện đang quản lý và khai thác:

STT	Loại đầu máy	Số lượng	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Công suất (HP)
1	D4H	04	1985-1992	Nga (Liên Xô)	400
2	D9E	02	1963	Mỹ	900
3	Tổng số	06			

(Nguồn: SRT)

- Số lượng toa xe khách SRT hiện đang quản lý và khai thác:

TT	Loại toa xe	Ký hiệu	Tổng số xe (Xe)	Năng lực chuyên chở/ Công suất th.kế		Hệ số sử dụng chỗ (%)
				(Chỗ)	(Tấn)	
A	Tổng số xe quản lý (I+II)		444	16.414	256	
I	Toa xe 1.000mm		444	16.414	256	
1	Xe giường mềm	An28	124	3472		71,34
2	Xe giường mềm	An24	2	48		64,55
3	Xe giường cứng	Bn42	105	4410		60,51
4	Xe ngồi mềm 2 tầng	A2T	7	560		
5	Xe ngồi mềm	A64	66	4224		68,37
6	Xe ngồi mềm	A56	26	1456		69,81
7	Xe ngồi mềm	A48	2	96		

TT	Loại toa xe	Ký hiệu	Tổng số xe (Xe)	Năng lực chuyên chở/ Công suất th.kế		Hệ số sử dụng chỗ
				(Chỗ)	(Tấn)	(%)
8	Xe ngồi mềm	A20	1	20		
9	Xe ngồi cứng	B80	24	1920		67,78
10	Xe ghế dọc	C64	2	128		
11	Xe hàng còm	HC	28			
12	Xe Công vụ - Phát điện	CV-PĐ	36			
13	Xe Hành lý	HL	17		256	
14	Xe 2 trục	C20	4	80		
II	Toa xe 1.435mm		0	0	0	0

Ghi chú: số xe trên không bao gồm 23 toa xe thanh lý năm 2021 & 2022

(Nguồn: SRT)

- Phương tiện cứu hộ: 03 cầu cứu hộ (01 cầu Kirow, 02 cầu Orton).

Về công tác bảo trì, bảo dưỡng vận hành sửa chữa toa tàu và đường ray:

Bảo trì bảo dưỡng: thực hiện theo Quy trình Chính bị toa xe do SRT ban hành. Công ty phân quyền cho đơn vị Xí nghiệp toa xe thực hiện.

Sửa chữa định kỳ: theo Quy trình sửa chữa định kỳ toa xe SRT ban hành. Việc sửa chữa do đơn vị XNTX thực hiện; Kiểm tra chất lượng và nghiệm thu hoàn thành do bộ phận Nghiệm thu viên thuộc SRT thực hiện; kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật & bảo vệ môi trường do Cơ quan Đăng kiểm thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện.

▪ Toa xe khách:

Các toa xe khách được sửa chữa định kỳ hàng năm, cụ thể: định kỳ 14 tháng với toa xe có thời gian vận dụng dưới 30 năm và 12 tháng với toa xe có thời gian vận dụng trên 30 năm. Bên cạnh đó, sau 04 kỳ sửa chữa nhỏ thì toa xe được sửa chữa lớn.

▪ Toa xe hàng:

Các toa xe hàng được sửa chữa định kỳ hàng năm, cụ thể: định kỳ 20 tháng với toa xe có thời gian vận dụng dưới 30 năm và 15 tháng với toa xe có thời gian vận dụng trên 30 năm. Bên cạnh đó, sau 05 kỳ sửa chữa nhỏ với toa xe khổ đường 1000mm và sau 06 kỳ sửa chữa nhỏ với toa xe khổ đường 1435mm thì các toa xe này được sửa chữa lớn.

Về công tác an toàn vận tải đường sắt:

Công ty đã triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản, chỉ thị của các cấp quản lý và của Công ty về công tác đảm bảo an toàn vận tải đường sắt đến các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 02/4/2018 của Đảng ủy Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Nghị quyết số 08-NQ/ĐU ngày 30/5/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường sắt; Chương trình hành động số 763/CTr-VTSG ngày 06/06/2018 của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn về thực hiện Nghị quyết 08-NQ/ĐU ngày 30/5/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường sắt; Quyết định số 409/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn về Ban hành Quy định về quản lý an toàn giao thông đường sắt; Quyết định số 459/QĐ-VTSG ngày 27/12/2021 của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn về Ban hành Quy định về việc giải quyết sự cố, tai nạn GTĐS; Quyết định số 89/QĐ-HĐQT ngày 14/02/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn về Ban hành Quy định công tác khen thưởng đảm bảo an toàn giao thông đường sắt; Quyết định số 90/QĐ-HĐQT ngày 14/02/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn về Ban hành Quy định xử lý trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trực thuộc trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu.

Bên cạnh đó, Công ty đã tổ chức ký Cam kết giữa Giám đốc các đơn vị với Tổng giám đốc Công ty về việc đảm bảo an toàn giao thông đường sắt, an toàn cháy nổ, an ninh trật tự; Xây dựng các kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông đường sắt hàng năm; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị và việc thực hiện các quy trình tác nghiệp nhằm kịp thời có biện pháp xử lý, khắc phục để giữ vững và đảm bảo tối đa an toàn giao thông đường sắt.

5.2. Doanh thu theo nhóm sản phẩm, lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm:

▪ Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu doanh thu của SRT qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng
1. Doanh thu dịch vụ vận tải	810.355	90,69%	1.453.348	93,53%	1.586.244	93,77%
2. Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải	83.225	9,31%	100.595	6,47%	105.443	6,23%

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng
Tổng cộng	893.580	100%	1.553.942	100%	1.691.687	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021, 2022, 2023 của SRT)

▪ **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Cơ cấu lợi nhuận gộp của SRT qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng
1. Lợi nhuận gộp dịch vụ vận tải	(41.834)	112,93%	168.119	97,39%	190.585	97,06%
2. Lợi nhuận gộp dịch vụ hỗ trợ vận tải	4.790	(12,93%)	4.497	2,61%	5.782	2,94%
Tổng cộng	(37.045)	100%	172.616	100%	196.367	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021, 2022, 2023 của SRT)

6. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của SRT

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm của 2022 so với 2021 (%)	Năm 2023	% tăng/giảm của 2023 so với 2022 (%)
1. Tổng giá trị tài sản	1.352.543	1.234.963	(8,69%)	1.101.555	(10,80%)
2. Doanh thu thuần	893.580	1.553.943	73,90%	1.691.687	8,86%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(166.871)	(14.593)	N/A	(3.102)	N/A
4. Lợi nhuận khác	27.936	15.017	(46,24%)	13.865	(7,67%)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm của 2022 so với 2021 (%)	Năm 2023	% tăng/giảm của 2023 so với 2022 (%)
5. Lợi nhuận trước thuế	(138.936)	424	N/A	10.763	2438,44%
6. Lợi nhuận sau thuế	(138.936)	424	N/A	10.763	2438,44%
7. Tỷ lệ trả cổ tức	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của SRT)

7. Thống kê lao động

Tình hình lao động của SRT tại ngày 31/12/2023

Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ %	Ghi chú
A. Loại hợp đồng lao động			
1. HĐLĐ không xác định thời hạn	1.671	96,93%	
2. HĐLĐ xác định thời hạn	43	2,49%	
3. Lao động thuộc diện không ký HĐLĐ	10	0,58%	(07 NQL + 03 Cán bộ CĐ chuyên trách)
Tổng số lao động = (1)+(2)+(3)	1.724	100%	
B. Trình độ đào tạo			Không bao gồm 10 lao động thuộc diện không ký HĐLĐ
1. Đại học và trên đại học	356	21,09%	
2. Cao đẳng, trung cấp	569	33,06%	
3. Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	789	45,85%	
Tổng số lao động = (1)+(2)+(3)	1.714	100%	

(Nguồn: Danh sách lao động tính đến ngày 31/12/2023 của SRT)

Thu nhập bình quân người lao động của SRT qua các năm:

Năm	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng):
2021	6.778.000
2022	9.920.000
2023	11.779.000

(Nguồn: SRT)

8. Tình hình tài chính

8.1. Tình hình công nợ

a. Tình hình các khoản phải thu

Tình hình các khoản phải thu của SRT qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	100.602	78.233	58.711
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	63.828	61.004	61.702
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.093	4.961	7.280
3	Phải thu ngắn hạn khác	15.681	26.667	27.900
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-	(14.400)	(38.171)
II	Các khoản phải thu dài hạn	112	144	167
1	Phải thu dài hạn khác	112	144	167
	Tổng cộng	100.714	78.377	58.878

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021, 2022, 2023 của SRT)

(*) Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tình hình các khoản phải thu khó đòi của SRT tại ngày 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2023	
		Số dư công nợ	Dự phòng
1	Công ty cổ phần Đầu tư Thương	37.039	(34.653)

STT	Đối tượng	31/12/2023	
		Số dư công nợ	Dự phòng
	mại Đường sắt Đông Dương		
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Minh	3.518	(3.518)
	Tổng cộng	40.558	(38.171)

(Nguồn: SRT)

b. Tình hình các khoản phải trả

Tình hình các khoản nợ phải trả của SRT qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I	Nợ ngắn hạn	759.616	709.118	607.539
1	Phải trả người bán ngắn hạn	514.913	330.877	254.105
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20.844	6.244	8.200
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.268	30.428	28.834
4	Phải trả người lao động	46.584	70.057	96.315
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	13.453	14.182	7.496
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14.260	161.518	156.913
7	Phải trả ngắn hạn khác	32.825	32.767	12.644
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	88.470	63.004	43.004
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	41	28
II	Nợ dài hạn	480.834	413.327	370.735
1	Phải trả dài hạn người bán	15.563	-	-
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	-	-	151
4	Phải trả dài hạn khác	1.599	1.663	1.924
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	463.656	411.648	368.644
6	Dự phòng phải trả dài hạn	16	16	16
	Tổng cộng	1.240.450	1.122.446	978.274

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021, 2022, 2023 của SRT)

8.2. Dư nợ vay tính đến thời điểm 31/12/2023

Tình hình các khoản nợ vay của SRT tính đến thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu dư nợ vay	Số dư tại ngày 31/12/2023	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn		
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	43.004	43.004
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN3 Tp. Hồ Chí Minh	11.819	11.819
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	16.504	16.504
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	14.681	14.681
CỘNG	43.004	43.004
Vay dài hạn		
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN3 Tp. Hồ Chí Minh	92.573	92.573
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	154.914	154.914
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	121.157	121.157
CỘNG	368.644	368.644
TỔNG CỘNG	411.648	411.648

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2023 của SRT)

8.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của SRT năm 2021, 2022, 2023

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/NNH)	Lần	0,43	0,39	0,354
+ Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – HTK)/NNH)	Lần	0,32	0,29	0,24
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,92	0,91	0,89
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	11,07	9,98	7,94
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bq)	Lần	10,88	18,63	22,68
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,83	1,26	1,54
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(15,55)	0,03	0,64
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	(76,52)	0,38	9,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	(10,00)	0,03	0,92
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(18,67)	(0,94)	(0,18)
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cp	(2.762)	8	214

(Nguồn: Số liệu được tính toán dựa trên số liệu BCTC kiểm toán 2021, 2022, 2023 của SRT)

8.4. Ý kiến của đơn vị kiểm toán

▪ Ý kiến đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021:

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 22/BCKT/AUD_VVALUES ngày 23 tháng 03 năm 2022 của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, Đơn vị kiểm toán đã nêu ý kiến như sau:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”

Theo thông báo số 247/TB – CTDAN ngày 24/01/2022 và thông báo số 249/TB – CTDAN ngày 25/01/2022 của Cục thuế Tp. Đà Nẵng về đơn giá tiền thuê đất, Công ty được giảm tiền

thuê đất năm 2020 và năm 2021 số tiền là 7.912.276.400 đồng. Tuy nhiên, do chưa có thông báo về tổng số tiền thuê đất từ Cục thuế Tp. Đà Nẵng nên Công ty chưa điều chỉnh giảm số liệu trên sổ kế toán. Nếu điều chỉnh giảm theo các thông báo nêu trên thì khoản phải nộp ngân sách Nhà nước (Cục thuế Đà Nẵng) giảm 7.912.275.400 đồng từ 25.397.241.211 đồng thành 17.484.964.811 đồng (thuyết minh V.13 – Báo cáo tài chính tổng hợp); Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Đường sắt Đông Dương giảm 8.703.504.040 đồng (trong đó tiền thuê đất là 7.912.276.400 đồng, thuế giá trị gia tăng là 791.227.640 đồng) từ 35.332.431.177 đồng thành 26.628.927.137 đồng (Thuyết minh V.2). Ngoài ra, nếu điều chỉnh đầy đủ theo thông báo nêu trên thì khoản nợ quá hạn Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Đường sắt Đông Dương giảm từ 22.766.713.027 đồng thành 19.170.223.754 đồng và số dự phòng ước tính là 11.594.056.749 đồng (thuyết minh V.2).

Tổng hợp các vấn đề nêu trên, nếu hạch toán đầy đủ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 thì lợi nhuận kế toán trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp của Công ty sẽ giảm đi 11.594.056.749 đồng (từ (138.935.630.284) đồng thành (150.529.687.033) đồng). Đồng thời, khoản mục phải thu của khách hàng trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giảm 8.703.504.040 đồng, dự phòng phải thu khó đòi tăng 11.594.056.749 đồng. Ngoài ra, trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế giảm 11.594.056.749 đồng, chỉ tiêu các khoản dự phòng tăng 11.594.056.749 đồng, khoản mục tăng, giảm các khoản phải thu tăng 8.703.504.040 đồng và khoản mục tăng, giảm các khoản phải trả giảm tương ứng 8.703.504.040 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Đơn vị kiểm toán, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại mục VIII.6 – Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 và thông báo số 14/TB-VPCP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ đã nhất trí thông qua chủ trương hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, phương án cụ thể và hình thức hợp nhất chưa được ban hành, theo đó Báo cáo tài chính tổng hợp vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.”

▪ **Ý kiến đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022:**

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 2097/BCKT/AUD_VVALUES ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, Đơn vị kiểm toán đã nêu ý kiến như sau:

“Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục VIII.6 – Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 và thông báo số 14/TB-VPCP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ đã nhất trí thông qua chủ trương hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Tuy nhiên, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, phương án cụ thể và hình thức hợp nhất chưa được ban hành nên Báo cáo tài chính tổng hợp vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán không liên quan đến vấn đề này”.

▪ **Ý kiến đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:**

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 2074/24/BCKT/AUD_VVALUES ngày 12 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, Đơn vị kiểm toán đã nêu ý kiến như sau:

“Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục VIII.6 - Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023 và thông báo số 14/TB-VPCP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ đã nhất trí thông qua chủ trương hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Tuy nhiên, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, phương án cụ thể và hình thức hợp nhất chưa được ban hành nên Báo cáo tài chính tổng hợp vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.”

9. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của SRT

STT	Họ và tên	Chức danh
I	Hội đồng quản trị	
1	Đào Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Thái Văn Truyền	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Đỗ Đình Dược	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Nguyễn Văn Khiên	Thành viên Hội đồng quản trị
II	Ban kiểm soát	
1	Vũ Đình Điệp	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bùi Thị Hải Yến	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trần Bắc Hà	Thành viên Ban kiểm soát
III	Ban Tổng Giám đốc	
1	Thái Văn Truyền	Tổng Giám đốc
2	Đỗ Đình Dược	Phó Tổng Giám đốc
3	Mai Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Bùi Thị Thúy Quỳnh	Kế toán trưởng

(Nguồn: SRT)

10. Tình hình Tài sản và quản lý sử dụng đất đai

10.1. Tình hình Tài sản

Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	Tỷ lệ % GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	2.586.015	856.906	33,14
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	25.657	3.253	12,68
2	Máy móc, thiết bị	119.591	30.673	25,65
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.439.070	822.981	33,74

STT	Tiêu chí	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	Tỷ lệ % GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	2.586.015	856.906	33,14
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.697	0	0
II	TSCĐ vô hình	386	0	0
1	Phần mềm máy tính	386	0	0
TỔNG CỘNG I + II		2.586.401	856.906	33,14

(Nguồn: BCTC 2023 kiểm toán của SRT)

Một số tài sản có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 727.934 triệu đồng đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty, cụ thể như sau:

- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3 Tp. Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay dự án đầu tư số 01/2017-HĐCVDADT/NHCT906-DUONGSATSG ngày 24/10/2017. Trong đó tài sản bảo đảm là: 30 toa xe mua của Công ty cổ phần Xe lửa Dĩ An theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017-HĐTC/NHTC906-DUONGSATSG ngày 24/10/2017. Chi tiết: 12 toa xe giường nằm lạnh 28 giường (AnL28), 10 toa xe ngồi mềm lạnh (AL56), 04 toa xe giường nằm lạnh 42 giường, 02 toa xe công vụ phát điện và 02 toa xe hàng côm.
- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01.2018/HĐCV/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018. Trong đó tài sản bảo đảm là: 30 toa xe khách hình thành trong tương lai thuộc dự án Đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018 – 2020 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt số 01.2018/HĐTC/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018.
- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 02.2018/HĐCV/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018. Trong đó tài sản bảo đảm là: 50 toa xe hình thành trong tương lai thuộc dự án Đầu tư mới 50 toa xe Mc năm 2018 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt số 02.2018/HĐTC/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018.
- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 441.0005/2018/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 17/01/2018. Trong đó tài sản bảo đảm là: 30 toa xe tàu khách mua mới theo hợp đồng thế chấp tài sản số 441.0005/2018/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 17/01/2018 bao gồm: 16 toa xe giường nằm (ANL28), 08 toa xe giường cứng (BNL42), 02 toa xe ngồi mềm (AL56), 02 toa xe hàng côm, 02 toa xe công vụ phát điện (CV-PĐ).

10.2. Tình hình quản lý sử dụng đất đai

Tình hình quản lý và sử dụng đất đai của CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn tại thời điểm ngày 31/12/2023 được trình bày tại PHỤ LỤC 2 của Phương án này.

11. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty

11.1. Thuận lợi

Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn là một trong ba doanh nghiệp hiện nay trên cả nước kinh doanh lĩnh vực vận tải đường sắt, cụ thể là Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội (HARACO), Công ty cổ phần Thương mại đường sắt (RATRACO) và Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (SARATRANS). Với 08 chi nhánh hoạt động kinh doanh trên toàn mạng lưới đường sắt quốc gia, Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn có tiềm năng to lớn trong việc khai thác các mảng kinh doanh dịch vụ trong ngành vận tải đường sắt, đặc biệt là Công ty có lợi thế rất lớn trong vận tải hành khách, với đội ngũ Trưởng tàu, tiếp viên, nhân viên phục vụ trên tàu nhiệt tình thân thiện được trang bị kiến thức kỹ năng về giao tiếp và phục vụ khách hàng; nhiều toa xe khách mới được đầu tư có chất lượng cao; có chính sách giá vé linh hoạt từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng, hệ thống bán vé điện tử tiện lợi và mạng lưới đại lý bán vé phát triển rộng khắp các địa phương trên cả nước; triển khai phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ phù hợp nhu cầu khách hàng lớn, liên kết với các hiệp hội du lịch, các công ty lữ hành, các doanh nghiệp với chính sách riêng biệt, đã đáp ứng nhu cầu, mang lại sự hài lòng cho khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Công ty.

11.2. Khó khăn

Cơ sở hạ tầng mặc dù đã được Nhà nước quan tâm đầu tư trong thời gian qua, tuy nhiên nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được như kỳ vọng, một số khu đoạn vẫn còn bị hạn chế dẫn đến việc chưa tận dụng tối đa chiều dài đoàn tàu, sức kéo đầu máy để tăng sản lượng doanh thu. Tình trạng xóc lắc vẫn xảy ra thường xuyên, cơ sở hạ tầng phục vụ hành khách dưới ga như phòng đợi tàu, hệ thống trang thiết bị phục vụ hành khách chưa đầu tư đúng mức, một số ga vẫn chưa có phòng đợi tàu, mái che cho hành khách chờ tàu.

Giá vé hành khách trong một số thời điểm, một số cung chặng còn cao, chưa linh hoạt, khó cạnh tranh; thời gian vận chuyển dài; chất lượng phục vụ chưa đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Các giải pháp giảm giá chưa tác động mạnh đến thị trường, sức cạnh tranh còn thấp. Công tác tiếp thị đạt hiệu quả chưa cao, chưa mang tính chuyên nghiệp, dịch vụ vận tải hai đầu chậm phát triển; chưa giải quyết triệt để tình trạng ì ạch.

Từ năm 2022 đến nay, nhiều đoạn đường bộ cao tốc tiếp tục được hoàn thành và đưa vào khai thác, rút ngắn thời gian di chuyển bằng đường bộ, bên cạnh đó phương tiện vận tải đường bộ thời gian qua đã được đầu tư với trang thiết bị nội thất hiện đại, vì vậy một số lượng

hành khách đã chuyển sang di chuyển bằng đường bộ hoặc ưu tiên sử dụng phương tiện cá nhân để di chuyển.

Một lượng lớn toa xe khách sử dụng lâu năm, chất lượng ngày càng xuống cấp nhưng thiếu vốn đầu tư, đóng mới và nâng cấp cải tạo toa xe khách, vì vậy khó nâng cao chất lượng phương tiện, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phục vụ hành khách, từ đó sẽ ảnh hưởng đến sản lượng hành khách đi tàu và doanh thu.

Tình hình địa chính trị trên thế giới còn tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất ổn, diễn biến phức tạp làm cho giá nhiên liệu biến động liên tục ảnh hưởng đến việc xây dựng và điều hành giá vé, giá cước vận tải.

Suy thoái kinh tế có thể kéo dài sang năm 2024, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt.

Chất lượng sửa chữa, bảo dưỡng, chỉnh bị phương tiện chưa có tính bền vững; kỹ năng phát hiện, xử lý sự cố trên đường của một số cá nhân còn hạn chế; công tác kiểm tra, đôn đốc việc sửa chữa, chỉnh bị, nghiệm thu chưa thực sự chặt chẽ; chất lượng vật tư đưa vào sửa chữa, chỉnh bị chưa thực sự ổn định. Điều kiện cơ sở vật chất, mặt bằng nhà xưởng phục vụ công tác sửa chữa, chỉnh bị, khám xét kỹ thuật còn hạn chế, đặc biệt khó khăn tập trung trong các đợt cao điểm vận tải.

Công tác tập kết xe hàng đến hạn sửa chữa định kỳ về đơn vị sửa chữa còn nhiều khó khăn, nhất là xe nằm ở phía Bắc đã ảnh hưởng đến sản xuất của đơn vị được giao sửa chữa toa xe.

Một số dự án nâng cấp cải tạo toa xe từ năm 2015-2017 chưa được bố trí nguồn vốn nên dẫn đến thiếu vốn lưu động phục vụ SXKD phải đi vay ngân hàng, tuy nhiên Công ty không có tài sản thế chấp nên gặp nhiều khó khăn khi đi vay, do đó phải nợ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phí điều hành giao thông đường sắt.

12. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA CÁC CÔNG TY BỊ HỢP NHẤT

1. Báo cáo kết quả thẩm định giá của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội số 280301/2024/CTTĐG-AASCN ngày 28/03/2024 và Báo cáo kết quả thẩm định giá số 280301/2024/BCTĐG-AASCN của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt tại thời điểm 31/12/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của HRT tại thời điểm 31/12/2023 (1)	1.315.638.706.937 đồng
Tổng số vốn cổ phần của CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội (2)	80.058.970 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (3) = (1)/(2)	16.433 đồng/cổ phần

Những điều khoản loại trừ và hạn chế của kết quả thẩm định giá:

- Hiện tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội đang sử dụng các lô đất đã nêu tại mục III và mục IV của phần "Tình hình đất đai của doanh nghiệp" trong Báo cáo kết quả thẩm định giá. Các lô đất này Công ty nhận bàn giao, quản lý và sử dụng theo phương án sử dụng đất được phê duyệt theo Quyết định số 3886/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2015 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội) thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội chưa được ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất nêu trên;
- Hiện tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội đang ghi nhận giá trị tài sản là 13 căn hộ tại nhà tập thể số 14 đường Nguyễn Khuyến với nguyên giá và giá trị còn lại cùng là 733.894.658 đồng. Tuy nhiên, 13 căn hộ trên không thuộc tài sản Công ty được nhận bàn giao khi cổ phần hóa và cũng không tính vào giá trị tài sản của Công ty khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Hiện tại, thẩm định viên đang xác định giá trị của 13 căn hộ nêu trên theo giá trị sổ sách. Trường hợp phát sinh giá trị thu hồi và nghĩa vụ liên quan đến 13 căn hộ nêu trên thì sẽ ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp;
- Một số lô đất Công ty nhận bàn giao, quản lý và sử dụng theo phương án cổ phần hóa nhưng chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chi phí tiền thuê đất hàng năm Công ty nộp theo thông báo của cơ quan thuế cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (đơn vị ký hợp đồng thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) và thông báo của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam cho Công ty. Tuy nhiên từ năm 2019, Công ty không nhận được thông báo từ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam về tiền thuê đất tại lô đất 551 đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, theo đó, Công ty đang hạch toán và ghi nhận công nợ phải trả tiền thuê đất các năm từ 2019 đến 2023 theo đơn giá thuê đất của năm 2018. Trong trường hợp tiền thuê đất theo quyết định chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có khác biệt so với số tạm tính của Công ty thì giá trị doanh nghiệp sẽ thay đổi theo;
- Một số khoản công nợ của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng nợ tại ngày 31/12/2023. Tỷ lệ công nợ phải thu chưa được đối chiếu là 22,8 %, tỷ lệ công nợ phải trả chưa được đối chiếu là 12,4 %. (chi tiết tại thuyết minh số PL 10 và PL 11).

2. Báo cáo kết quả thẩm định giá của CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn số 280302/2024/CTTĐG-AASCN ngày 28/03/2024 và Báo cáo kết quả thẩm định giá số 280302/2024/BCTĐG-AASCN của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt tại thời điểm 31/12/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của SRT tại thời điểm 31/12/2023 (1)	648.714.098.797 đồng
Tổng số vốn cổ phần của CTCP cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (2)	50.310.000 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (3) = (1)/(2)	12.894 đồng/cổ phần

Những điều khoản loại trừ và hạn chế của kết quả thẩm định giá:

- Hiện tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn đang sử dụng các lô đất đã nêu tại mục III và mục IV của phần "Tình hình đất đai của doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả thẩm định giá kèm theo. Các lô đất này Công ty nhận bàn giao, quản lý và sử dụng theo phương án sử dụng đất được phê duyệt theo Quyết định số 3885/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2015 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn) thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn chưa được ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất nêu trên;
- Công ty đang theo dõi tài sản là bất động sản đầu tư thuộc lô đất thuê trả tiền hàng năm để làm khách sạn Faifo và các hạng mục phụ trợ với nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm thẩm định giá lần lượt là 53.674.443.911 đồng và 3.705.216.348 đồng. Lô tài sản trên được Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đường sắt Đông Dương thuê khoán nhằm mục đích đầu tư, cải tạo, nâng cấp để khai thác kinh doanh khách sạn đạt tiêu chuẩn 03 sao trở lên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại việc nâng cấp sửa chữa khách sạn đã bị tạm ngừng do chưa xin được cấp phép xây dựng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các hạng mục công trình đã xuống cấp và không còn sử dụng được, thời hạn thuê đất với Nhà nước đến 31/12/2024 là hết hạn. Hiện tại, thẩm định viên đang xác định giá trị của bất động sản đầu tư là khách sạn Faifo và các hạng mục phụ trợ theo phương pháp dòng tiền chiết khấu trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục được gia hạn thời gian thuê đất với Nhà nước để xây dựng khách sạn và tiếp tục hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đường sắt Đông Dương theo thời gian của hợp đồng đã ký kết. Trong trường hợp Công ty không được tiếp tục gia hạn thời gian thuê đất với Nhà nước và phương xử dụng đất và tài sản trên đất thay đổi dẫn đến việc Công ty không được tiếp tục xây dựng khách sạn như